

BÙI THUẬN
(Biên soạn)

959.775 092 2

ĐC

R 106 R

RANG RỎ TÀI DANH ĐẤT ĐỒNG NAI

Tập 2



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

RẠNG RỖ TÀI DANH ĐẤT ĐỒNG NAI

- Tập 2 -

BÙI THUẬN
(Biên soạn)

RẠNG RỖ TÀI DANH ĐẤT ĐỒNG NAI

- Tập 2 -

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2020/BC/VL

001685

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời giới thiệu

Bạn đọc đang cầm trên tay quyển sách *Rạng rỡ tài danh đất Đồng Nai* tập 2 của nhà báo, nhà nghiên cứu Bùi Thuận.

Đồng Nai, vùng đất miền Đông không chỉ “gian lao mà anh dũng”, mà còn là vùng đất có bề dày về lịch sử, văn hóa. Các nhà nghiên cứu khoa học, đặc biệt khảo cổ học khẳng định có một nền Văn hóa Đồng Nai. Tìm hiểu về vùng đất, nghiên cứu về lịch sử truyền thống, địa lý tự nhiên, xã hội... là cần thiết, nhưng nếu không đề cập đến những con người sinh ra, lớn lên và cống hiến cho địa phương là một thiếu sót khá lớn. Bởi con người là trung tâm của cuộc sống, xã hội, là nhân tố để xã hội không ngừng phát triển và đi lên.

Có lẽ với suy nghĩ đó, mà anh Bùi Thuận, một nhà báo đam mê xê dịch, đam mê phát hiện những điều mới, những con người mới trong mọi vị trí, lĩnh vực của cuộc sống muôn màu để mang đến cho người đọc những cảm xúc, lòng tri ân với những nhân vật, đó có thể là những nhà khoa học, nhà văn, nhà giáo, nhà hoạt động cách mạng, người nông dân, thợ thủ công... mà những tư duy, trăn trở, sáng tạo trong phương thức hoạt động của họ đều để lại những dấu ấn trong cuộc sống, trên những lĩnh vực mà họ sống, lao động và cống hiến.

Ở tập 1 (xuất bản năm 2018), 20 nhân vật “Người Đồng Nai” được anh Bùi Thuận giới thiệu đến với công chúng. Ở tập

2 lần xuất bản này, cũng với bút pháp truyện ký pha lẫn phong cách báo chí, anh lại mang tiếp đến những bất ngờ trong việc phát hiện những chi tiết thú vị xoay quanh những con người vô cùng bình dị trong cuộc sống đời thường, những con người chỉ biết làm và làm cho cuộc sống thêm thi vị với những đam mê không toan tính.

Mỗi nhân vật, dù đó là nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà thơ, soạn giả cải lương, nhà nghiên cứu, nhà chính trị chuyên nghiệp, thợ thủ công, nhà doanh nghiệp, người lao động... đều được Bùi Thuận miêu tả với tấm lòng trân trọng, biết tìm ra những chi tiết đắt giá, dị biệt để người đọc qua đó tự rút được những bài học về nhân cách, thái độ ứng xử với con người và cuộc sống đáng trân trọng: nói điều hay, làm việc tốt để tiếp cận, thành con người “tài danh”, hữu ích cho đời.

Với quyển *Rạng rỡ tài danh đất Đồng Nai* tập 2, tác giả Bùi Thuận tiến thêm một bước góp thêm nhiều tư liệu quý giá để sau này có thể tập hợp, chọn lọc, bổ sung thêm trong công trình về *Nhân vật chí Đồng Nai*. Mong rằng anh sẽ tiếp tục còn những quyển III, IV... cùng thể loại.

Xin trân trọng giới thiệu cùng quý bạn đọc xa gần.

Trần Quang Toại

Phó Chủ tịch – Tổng thư ký Hội Sử học Đồng Nai

TÁM MỘNG

Người chèo đò trở thành phú gia lừng lẫy nhất Biên Hòa



Cù Tám Mộng (ảnh do Huỳnh Tấn Bửu chụp lại).

Tham dự Hội Hoa Xuân toàn quốc lần đầu tiên được tổ chức ở Thủ đô Hà Nội sau ngày thống nhất đất nước, với hàng trăm cây kiểng quý hiếm, trong đó có những chậu Mai chiếu thủy, Chùm rùm, Nguyệt quý, Cành thặng... cổ thụ kết cành nhánh thành 9 tầng, cao gần 2 mét, cùng những cây kiểng khô độc đáo, đoàn Đồng Nai do ông Nguyễn Văn Sâm - Phó ty Văn hóa Thông tin dẫn đầu đã giành được 72 huy chương các loại, phần lớn là huy chương vàng. Chủ nhân của dàn kiểng cổ miền

TÁM MỘNG - Người chèo đò trở thành phú gia làng lầy nhất Biên Hòa

Đông Nam Bộ này là ông Dương Văn Hảo (thường được nhiều người biết đến với tên gọi là ông Tám Mộng) - một nhà tư sản dân tộc, từng được xem là người giàu nhất Biên Hòa với hàng loạt cơ sở bất động sản cao cấp.



Cụ bà Lê Thị Hôn (vợ cụ Tám Mộng).

CẢNH QUAN BIÊN HÒA MỘT THỜI CHƯA XA

Với cái nhìn của một chứng nhân khá uyên bác, trong *Biên Hòa sử lược toàn biên*, nhà nghiên cứu Lương Văn Lựu đã mô tả về... “tỉnh thành Biên Hòa vào đầu thế kỷ XX” như sau: “Từ buổi sơ khai, thị trấn được lập lại tại ấp Phước Lư, đến thời Pháp thuộc, tỉnh lỵ Biên Hòa lại dời về địa điểm hiện tại, vốn là một khu phố nhỏ hẹp, buồn bã, gần như là một thành phố chết. Chợ Dinh chỉ là một nhà nhỏ, ngán, lợp thiếc đơn sơ, u

tối. Phía đầu trên có giếng quay và kế là bãi đất trước làm bến xe ngựa. Trên nữa là nhà lồng kiếng màu, kiểu xưa, để làm công sở cho làng Bình Trước một vòng phố nhỏ bao bọc phía cuối cùng. Các đường đều trải đá xanh, sao và giá tỵ hai bên lề hiện còn rải rác trên một vài đường, trước kia, do dân chúng bị bắt trồng mỗi người một cây, vào lối cuối thế kỷ XIX. Để soi sáng đường ban đêm có những trụ đèn thấp, trên gắn bầu nhỏ bọc kiếng bốn mặt, ở trong đặt một cốc đèn mà mỗi buổi chiều, có người vác thang đi châm dầu đốt từng ngọn, phố xá chung quanh, lụp xụp, tối tăm...

Khu đường Lê Văn Duyệt (nay là đường Hoàng Minh Châu), Phan Chu Trinh và vận động trường Cộng Hòa (sân banh Biên Hòa) trước kia là một ao sen sinh lầy, nước sông tràn vào do một con kinh có cầu ván để nối liền đường dọc bờ sông... Ngã năm Biên Hùng và đường đắp mới, "đoạn quốc lộ 1 được xây đắp thêm từ năm 1938 (nay là đường Hà Huy Giáp) vốn là vùng ruộng nước, ao lục bình hoang vu. Khu lộ Hàm Nghi (nay là đường Cách mạng tháng Tám) ngày trước cũng không kém phần tịch mịch. Một nhà xác lợp bằng lá dừa ở cách lộ không xa, làm tăng thêm vẻ hoang lạnh. Về sau, rạp hát được dời đến xóm Nhà máy nước, nhưng cũng không đem lại được không khí vui tươi cho chỗ đã u buồn. Khu này trước kia, mang tên là "Thủy" (do chữ "Lân Thị" của giới bình dân dọc trại, nguyên chợ trấn Biên Hòa đặt tại đây, danh từ "Lân Thị" vẫn còn, nay trở thành tên ấp, sáp nhập với Vĩnh Thạnh, được mang hợp danh là Vĩnh Thị)".

Cũng trên đường Hàm Nghi có lò rượu nếp An Cam Thủy do Hộ Chiên bang Hoa kiều Phước Kiến lập (địa điểm nay là Phụng Sơn tự). Còn trên đường Nguyễn Hữu Cảnh (nay là

đường Cách mạng tháng Tám, đoạn thuộc địa bàn phường Quang Vinh có cây chàm cổ thụ hàng ngàn năm tuổi, nên người dân đặt tên Cây Chàm cho địa danh này).

Theo cụ Lương Văn Lưu, cây chàm cổ thụ bị tróc gốc ngày 24/7/1950 trong một trận giông lớn. Lò sát sinh ban đầu lập ra trên góc đường Lý Thường Kiệt cạnh chợ Dinh, sau đó dời về phía bờ sông Đồng Nai, góc đường Trần Thượng Xuyên - Thành Thái (nay là đường Phan Văn Trị thuộc khu phố 2, phường Hòa Bình) hình thành ra xóm Lò Heo, một thời khét tiếng ở Biên Hòa. Một bộ phận khác dời đến xóm Bàu, Hàng Dương trên đường Trịnh Hoài Đức (nay là đường 30 tháng 4) ra đời xóm Lò Bò.

Một chứng nhân khác là cụ Đinh Quang Dĩa (1920 - 2008) dân gốc Nam Định, có mặt ở Biên Hòa từ năm 1940, làm bồi cho gia đình ông bà Balick, Hiệu trưởng trường Bá nghệ Biên Hòa và sau đó là “Việt cộng nằm vùng” hoạt động nội thành trong vỏ bọc cán bộ nghiệp đoàn thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Cộng hòa. Trong hồi ký của mình, cụ Dĩa cũng đã mô tả về nội thị Biên Hòa vào những năm 40-50 của thế kỷ trước một cách khá sinh động: “Khoảng năm 1940, khi tôi đặt chân tới Biên Hòa thì tình lý này xinh xắn, rợp bóng cổ thụ sao, dầu cao vài chục mét, bình lặng, yên ả. Phố phường rất nhỏ, nhà cửa phần đông là nhà trệt lợp ngói mũi hoặc ngói âm dương, chỉ xúm xít vên vên quanh chợ Dinh (tên xưa của chợ Biên Hòa từ hồi đặt dinh Trấn Biên).

Đường 30 tháng 4 bây giờ đã được người Pháp đặt là đường Trịnh Hoài Đức từ lâu. Từ năm 1938, khu mộ Trịnh Hoài Đức được công nhận là di tích liệt hạng của chính phủ. Khi tôi đến, nhà cửa san sát chỉ khoảng nửa dãy phố - tính từ bùng binh xăng uyních (sens unique: đường một chiều theo vòng xoay,

nay là công trường sông Phố) lên quá rạp Khánh Hưng (nay là rạp Sông Phố) bây giờ một chút. Mặt tiền là phố, phía sau toàn ruộng và ao đìa. Công viên Biên Hùng còn là bãi cỏ rộng ăn lan xuống mép hồ nước hàng chục mẫu tây, người ta có thể nhìn thấy xe lửa từ ga chạy vào dốc Sỏi tới sân bay ngang qua khu phố 3 và khu phố 5, phường Trung Dũng bây giờ. Một số chủ xe ngựa chiều chiều thường dắt ngựa ra tắm ở hồ. Dàn dẫn télégrap xăng phin (télégraphe sans fil: vô tuyến điện) mắc trên mấy cột cao ngất sơn đen, nghe nói có thể đánh điện đi khắp Nam kì.

Từ bùng binh sau lưng tòa bố tới Hăng Dầu, phía mé sông mới lưa thưa ít nhà, đi trên quốc lộ 1 người ta nhìn rõ toàn cảnh làng xóm chợ Đồn bên kia sông và Cù lao Phố. Hai cây cầu xám vắt ngang hai nhánh sông tẽ ở đầu xóm Thành Hưng, nổi bật trên nền các chòm cây xanh biếc vào buổi xế chiều.

Con đường từ chợ Biên Hòa đi Bửu Long chỉ có nhà cửa tới quá Tòa án tỉnh bây giờ một khúc... Khu phố 5, phường Hòa Bình bây giờ, hồi ấy là bãi đất trống thuộc đàn Xả tắc. Phía dưới đàn Xả tắc có một cái đầm, bà con lấp bỏ để làm nhà từ lâu.

Con đường từ bùng binh Công viên Biên Hùng nổi thẳng tới đầu cầu Rạch Cát có tên là đường đắp mới. Trước đó, đây toàn là ruộng, mỗi năm cấy một vụ vào mùa mưa.

Từ Vườn Mít xuống Tam Hiệp, hai bên đường có những cây sao, dầu cổ thụ tán lá um tùm giao nhau che rợp mặt đường quốc lộ 15 (nay là đường Phạm Văn Thuận) rộng khoảng 5 mét trái đá xanh. Người ta đồn khúc đường này có ma, khi mặt trời vàng ngả về phía tây thì khách đi đường đã vắng lấm. Bên trái đường có sở cao su Et-pi-nat (Espinasse) từ quãng dưới ngã ba Máy cưa một tí chạy dài qua cầu Vặt (không hiểu sao sau này nhà cầm quyền tỉnh Biên Hòa thời Ngô Đình Diệm lại đổi là

cầu Mương Sao?) dài xuống tới cầu Mương Sao (nay đổi là cầu Vạt). Làng Tân Mai ở bên phải, nhà cửa thưa thớt chừng hơn chục nóc, toàn nhà lá, cất xa đường, không có hàng quán nào. Khu vực sau này là hăng Nước đá (sở Thương nghiệp cũ) chạy tới lâm phận Tam Hiệp có vài sở cao su không lớn của chủ Tây, Tàu lẫn ta. Rồi tiếp đến rừng chồi với những bụi tre mọc sát quốc lộ 15 phía bên trái. Đi khoảng vài cây số nữa mới tới vài chòm nhà thuộc ấp Vĩnh Cửu (xã Tam Hiệp) lúi sâu trong vườn, lúc đó rất hiếm nhà bám ven quốc lộ 15...”

Cụ Đình Quang Dừa cũng cho biết: Thời đó, nhà của Hiệu trưởng Trường Mỹ nghệ thực hành Balick ở góc đường 30 tháng 4 – Cách mạng tháng Tám bây giờ, tư dinh Chánh tham biện (Tỉnh trưởng) Larivière nay là Nhà Văn hóa thiếu nhi tỉnh, tư dinh Phó Tỉnh trưởng Noroeskarmart là ngôi nhà lầu mé sông (nay là nhà in Đồng Nai). Nhà Chánh Kiểm lâm Goutier nay là phòng công chứng số 1 cạnh sở Tư pháp, nhà viên Phó Kiểm lâm Bochon nay là Bưu cục phường Quyết Thắng, cạnh Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Đồng Nai hiện giờ. Nhà Giám đốc Công chánh Tuillier (nay là Sở Xây dựng), nhà Cảnh sát trưởng Lafont và Phó Cảnh sát trưởng Martin (nay là Trường Mẫu giáo Thanh Bình), nhà riêng Đại tá Remi Chỉ huy trưởng sân bay Biên Hòa (nay là trụ sở cơ quan cảnh sát quản lý hành chính tỉnh), Chánh án Tòa Trung Nhân dân nhập tịch làng Tây cư ngụ ngay trong khuôn viên Tòa án Nhân dân tỉnh hiện nay, Cercle (câu lạc bộ thanh niên miền Đông Nam kỳ của phong trào Ducouroy (nay là trụ sở Liên đoàn Lao động tỉnh)...

CÁC TẦNG LỚP DOANH NHÂN

Kể lẽ dài dòng như vậy để thấy Biên Hòa vào những năm 40-50 của thế kỷ XX vẫn còn nghèo nàn, lạc hậu. Phải sau năm

1954 với làn sóng di cư từ miền Bắc vào tạo ra sức thúc đẩy mới, Biên Hòa được mở rộng thêm địa giới và có bước chuyển động mạnh. Nổi bật là trong hai thập niên 1960-1970 Biên Hòa mới vươn tầm một thị xã miền Đông phồn thịnh nối kết với đô thành Sài Gòn khoác lên mình một diện mạo tân kỳ, hiện đại.

Trong quá trình đô thị hóa Biên Hòa có sự đóng góp của các tầng lớp doanh nhân. Khởi đầu là lớp tiên phong với hầu hết các nhà doanh nghiệp là những người Việt gốc Hoa như: Ông Hộ Chiên, Bang Xiềng, Bang Trần Lâm, Trần Điển, Lâm Phô, Thiêm, Hồng Sa... Trong đó, ông Trần Lâm (1904-1974) bang trưởng Phúc Kiến ở Biên Hòa là một đại gia tên tuổi. Kế tục người cha là ông Bang Xiềng người gốc Triều Châu (Trung Quốc) trong hoạt động kinh doanh lúa gạo, nên được chính quyền giao quản lý tổng kho gạo của tỉnh Biên Hòa trong chương trình “an ninh lương thực” nhằm bảo đảm trong kho lúc nào cũng dự trữ đủ 10.000 bao gạo; kho gạo của Bang Trần Lâm đặt tại góc chợ cá Biên Hòa trên đường Trần Thượng Xuyên (nay là đường Nguyễn Văn Trị) tuyệt đối an toàn rất được nhiều đời Tỉnh trưởng Biên Hòa tín nhiệm. Khi ông Lương Văn Lựu làm Trưởng ty Kinh tế triển khai việc mở quán cơm xã hội đã được Bang Trần Lâm hỗ trợ phần gạo để phục vụ người lao động nghèo.

Thực ra Bang Trần Lâm được nhiều người dân Biên Hòa biết đến nhiều hơn với tư cách là chủ dây phố chợ trên đường Nguyễn Trãi, người lập ra nghĩa trang Phúc Kiến ở Biên Hòa, lò lu bên Hóa An. Đặc biệt là “ông Tàu” chủ tiệm rượu Duyệt Kiến Thành trên đường Nguyễn Trãi. Đây là đại lý rượu công xi độc quyền lớn nhất Biên Hòa mà con trai ông là Trần Khải, Giám đốc hãng rượu Bình Tây. Nhờ có cha là “Thầy Hai tiệm rượu”

(cụ Lê Thành Tông 1906-1986) làm tài phú cho ông chủ Trần Lâm, chiến sĩ cách mạng Lê Thành Bá (nguyên Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa) được ông Bang trưởng Phúc Kiến rất có uy tín với chính quyền VNCH tỉnh Biên Hòa) cho đặt trạm liên lạc của Đặc khu Sài Gòn-Chợ Lớn tại lò lu Hóa An để chuyển công văn, thư từ và thu mua giấy phơi lụa, thuốc tây, pin đèn...

Tiếp đến, lớp doanh nhân trẻ hơn, phần lớn là cư dân tại chỗ - những người đã thực sự góp phần tạo nên diện mạo mới cho đô thị Biên Hòa. Đó là những nhà thầu xây dựng, kinh doanh bất động sản tên tuổi một thời như: Bảy Lộ, Sáu Lôi, Tám Tân, Tư Xã, Hai Quỳnh, cơ sở cung ứng vật liệu xây dựng Hai Vạn, chủ nhà hàng Tân Hiệp - Tuyết Hồng, tiệm thuốc tây Hồ Văn Lâm, cơ khí Trần Bùi, chủ quán Thâm Giao, Huỳnh Cửa, chủ lò bánh mì Vạn An, bánh ngọt Thiên Hương, chủ trang trại Duyên Anh Đào, trại chăn nuôi Bà Đốc, chủ nhà sách Huỳnh Hiệp, Thiên Tứ, chủ tiệm chụp hình Phạm Lung, Bửu Quang, Đồng Nai ấn quán, dịch vụ mai táng Mai Phụng Xuân...

Nổi bật là những đại doanh gia với tên tuổi khá lẫy lừng như:

Cụ Bảy Lộ (Lê Văn Lộ, sinh năm 1923 ở ấp Bình Tự trên Cù lao Phố - xã Hiệp Hòa, nay là phường Hiệp Hòa thuộc thành phố Biên Hòa) xuất thân là nhân viên của Sở Trường tiền Biên Hòa với nhiệm vụ chấm công ngoài công trường. Với bản tính cần cù, siêng năng và đặc biệt là ham học hỏi, Bảy Lộ đã lần lần học được cách vẽ họa đồ xây dựng.

Vào cuối năm 1945 sau khi tái chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, quân Pháp được trang bị máy bay khu trục nên chúng cho mở rộng sân bay quân sự Biên Hòa vốn xây dựng từ năm 1918 trên sở đất cao su của ông Trưởng tòa Nghiêm chỉ có đường băng dài 600 mét bằng cấp phối đất đồi lèn chặt dùng cho loại máy

bay cánh kép (thường gọi máy bay đầm già) để nối dài đường băng thêm 400m rồi lát ghi sắt đáp ứng cho việc cất và hạ cánh của máy bay khu trục có vận tốc lên đến 500km/giờ.

Bảy Lộ - chàng trai Cù lao Phố chưa hề học một ngày nào về xây dựng, kiến trúc đã đứng ra nhận làm “tổng thầu” công trình xây dựng một cách đầy tự tin vì tự vẽ và lập được bản đồ thiết kế xây dựng và trong tay có sẵn lực lượng thi công mà khi làm nhiệm vụ chấm công, Bảy Lộ quen mặt, nắm rõ tài, tật của từng người. Còn vật liệu xây dựng thì chủ thầu Bảy Lộ càng không phải lo vì có anh rể là ông Tám Mộng đang là “trùm” trong lĩnh vực này.

Thắng lớn trong việc nhận thầu xây dựng công trình mở rộng sân bay Biên Hòa, Bảy Lộ phát lên nhanh chóng. Ông chuyển sang kinh doanh nhà đất, không những ở Biên Hòa, các vùng phụ cận mà còn lấn sang cả Sài Gòn, chỉ cách nhà ông khoảng chừng 30km.

Năm 1958, Bảy Lộ cùng một số thân hữu gồm: ông Hai Tại, Sáu Nhơn, Chánh hùn nhau được 4,5 triệu đồng (thời giá lúc bấy giờ) để cất rạp hát Biên Hùng được xem là sang trọng, hiện đại nhất khu vực miền Đông Nam Bộ. Biên Hùng được các đại ban sân khấu cải lương tiếng tăm bậc nhất miền Nam thường chọn làm nơi lưu diễn. Nhiều đại nhạc hội cũng được thường xuyên tổ chức tại rạp hát Biên Hùng.

Năm 1970, ông Bảy Lộ mở chi nhánh Ngân hàng Đông Phương ở Biên Hòa. Đặc biệt năm 1972, ông Bảy Lộ lại cùng một số thân hữu cũ hùn nhau được 42 triệu đồng mở rạp chiếu bóng Lido rất tân kỳ nằm trên đường Hàm Nghi (nay là đường Cách mạng tháng Tám). Ưa thích bộ môn quần vợt, ông Bảy Lộ còn bỏ tiền ra xây dựng sân quần vợt trên khu đất sát với ngôi nhà lâu của ông (nay là trụ sở Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đồng Nai) trên đường Công Lý (nay là đường Võ Thị Sáu).

TÁM MỘNG - Người chèo đò trở thành phú gia lừng lẫy nhất Biên Hòa

Đại gia Sáu Sủ (Nguyễn Văn Sủ), sinh quán ở Bình Trước, Biên Hòa. Nhưng ở tuổi thiếu niên đã lên Sài Gòn ăn học và bước vào đời với nghề làm “lon – ton” (planton, tùy phái, chuyên chạy việc lật vật) ở Tòa án Sài Gòn. Làm được một thời gian, nhận thấy công việc bàn giấy không có tương lai và cũng không thể nào giàu được, Sáu Sủ bỏ Sài Gòn trở về quê hương Biên Hòa và khởi nghiệp bằng ý tưởng mà suốt nhiều năm tháng thường xuyên đi về trên đoạn đường Biên Hòa- Sài Gòn- Biên Hòa anh hằng nung nấu là khai thác vận chuyển bằng phương tiện cơ giới thay cho xe lửa, xe ngựa... vừa nhanh chóng và tiện lợi cho giới bình dân.

Với vốn liếng ít ỏi gom góp được cùng khả năng có giới hạn, Bảy Lộ chỉ sắm được chiếc xe đò nhỏ chạy mở đầu trên tuyến Biên Hòa - Bến Gỗ và ngược lại.



Cụ Tám Mộng và cụ Bảy Lộ (người ngồi bên phải)- Ảnh Phan Dầu.

Bến Gõ không chỉ có rượu đế, tôm càng xanh ngon nổi tiếng mà còn có nhiều mặt hàng nông, thủy sản khác rất được thị dân Biên Hòa ưa thích nên tuyến đường này thường xuyên đông hành khách bận hàng và học sinh nên công việc làm ăn của Sáu Sứ ngày càng phát đạt. Ông cho mua thêm xe và muốn thêm tài xế mở tuyến đường Biên Hòa - Vũng Tàu, rồi Biên Hòa - Sài Gòn.

Vài năm sau, số đầu xe đồ của Sáu Sứ đã lên đến 18 chiếc. Với số lượng xe nhiều áp đảo nên khi cùng các chủ xe khác đứng ra thành lập Công ty Liên hiệp vận tải có tổng số 30 xe, ông Nguyễn Văn Sứ được bầu làm Hội trưởng Công ty Liên hiệp. Với tư duy kinh doanh sáng tạo, ông Hội trưởng Sáu Sứ đã đưa ra những quy định hoạt động của “xe đồ Liên Hiệp” (theo cách gọi ngắn gọn và quen thuộc của người dân Biên Hòa thời bấy giờ) chạy tuyến Biên Hòa - Sài Gòn và ngược lại được áp dụng chặt chẽ: Cứ 5 phút có 1 xe xuất bến, dù có đủ khách hay không và giờ giấc của hành trình đều được kiểm soát theo từng chặng trên quốc lộ 1 giữa hai đầu đi và đến. Đặc biệt hơn, hành khách thuộc diện công chức, quân nhân, học sinh chỉ phải trả nửa tiền. Do vậy, xe Liên Hiệp thời đó gần như là phương tiện đi lại phổ biến của mọi tầng lớp nhân dân Biên Hòa.

Có cả một dãy phố cho thuê trên đường Hưng Đạo Vương, cây xăng ở góc đường Trịnh Hoài Đức - ga xe lửa Biên Hòa (nay là Công viên thiếu nhi Biên Hòa, đường vào phố đi bộ, chợ đêm Biên Hùng) cùng với thu nhập từ cổ phần ăn chia trong công ty Liên hiệp, nhưng ông Sáu Sứ vẫn duy trì nếp sống giản dị và luôn quan tâm đến công việc làm ăn. Mấy ông tài xế chạy lâu năm cho hãng xe Liên Hiệp còn nhắc chuyện: Có lần ông Hội trưởng Sáu Sứ thân hành đi theo xe để kiểm tra hoạt động; khi

2020/ĐC/VL

001685

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

nhìn thấy lơ xe quăng mớ lá chuối của một bà già lên mui xe một cách cẩu thả, ông Sáu Sử liền nói: “Phải dằn lá chuối cho người ta cẩn thận. Dù sao thì đây cũng là tài sản, vốn liếng của bà bán lá chuối, không thể xem thường được”.

Ông Nguyễn Văn Sử cũng là người đầu tiên ở Biên Hòa đứng ra làm đại diện cho hãng Bảo hiểm Le Secours với văn phòng đặt trên đường Trịnh Hoài Đức (nay là đường 30 tháng 4).

Một nhân vật khác cũng thuộc hàng tên tuổi ở Biên Hòa là ông Trương Công Xã (được mọi người quen gọi là Tư Xã). Vốn xuất thân với nghề lục sự ở Tòa hòa giải rộng quyền Biên Hòa, sau đổi thành Tòa sơ thẩm Biên Hòa (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai). Làm được mấy năm tại bàn giấy, sớm ngán cảnh “sáng vác ô đi, tối vác về”, ông Tư Xã xin nghỉ việc ở Tòa án để về nhà chuyển sang kinh doanh bất động sản. Có tài lực lại giao du rộng rãi nên đánh hơi biết được chính quyền Sài Gòn và các cơ quan cố vấn Mỹ có nhu cầu đặt trụ sở cũng như cư xá ở Biên Hòa, viên cựu lục sự liền móc nối và tự tay phác thảo thiết kế và vẽ bản đồ xây dựng. Qua đó, một loạt những công trình xây dựng theo kiểu Mỹ lần lượt xuất hiện trên đường đắp mới (nay là đường Hà Huy Giáp) như trụ sở cơ quan lãnh sự Mỹ ở Biên Hòa (nay là khu Tỉnh ủy Đồng Nai), khu cư xá 5 tầng...

Sau ngày giải phóng, ông Tư Xã lại xuất hiện trong vai trò chủ nhà hàng Thanh Bình với kiến trúc bắt mắt nằm trên ao bông súng (nay là Công viên Quyết Thắng). Nhưng có lẽ đình đám nhất là khi ông mở nhà hàng Quyết Thắng nằm trong một con hẻm trên địa bàn phường với một nghệ thuật và phong cách kinh doanh chưa hề được trường lớp nghiệp vụ chuyên

môn nào dạy. Khuôn viên nhà hàng được trang trí bằng cây cảnh xanh mát, thơ mộng; phòng ăn bày trí sang trọng và đẹp mắt theo từng loại đối tượng thực khách; mỗi món ăn, thức uống ở đây cũng rất độc đáo, tùy theo sở thích của khách hàng ông Tư Xá đích thân hướng dẫn đầu bếp cách chế biến. Việc phục vụ cũng hết chỗ chê, tiếp viên lịch sự, chu đáo... Do vậy, trong tình hình nhà hàng, quán nhậu mọc ra như nấm sau mưa, nhà hàng Quyết Thắng lúc nào cũng đông khách và trở thành “điểm hẹn” cho các đoàn cán bộ huyện về tỉnh công tác. Nhiều năm liền nhà hàng Quyết Thắng là doanh nghiệp chuyên doanh trong lĩnh vực ăn uống có mức thuế nộp cho Nhà nước cao nhất tỉnh Đồng Nai.

Nổi trội nhất trong số những doanh gia có “máu mặt” ở Biên Hòa trước ngày giải phóng là ông Tám Mộng.

NGƯỜI CHÈO ĐÒ Ở CÙ LAO PHỐ

Tên họ đầy đủ trong giấy tờ của ông Tám Mộng là Dương Văn Hảo. Ông sinh năm 1912 tại ấp Long Quới, xã Hiệp Hòa (Cù lao Phố - nay là phường Hiệp Hòa thuộc thành phố Biên Hòa) trong một gia đình nông dân nhiều đời nhưng ít ruộng. Cha lại mất vào năm Tám Mộng mới 11 tuổi, mẹ phải lặn lội khắp cù lao tuốt lá chuối, lá dừa bán kiếm tiền sống đắp đổi qua ngày. Do vậy, Tám Mộng sớm bước vào đời tự kiếm kế mưu sinh. Nhờ am tường sông nước miệt cù lao và có thân hình hơi thấp nhưng rắn rỏi, mạnh khỏe Tám Mộng được mướn chèo đò ngày ngày đưa khách sang sông từ các bến đò An Hảo, bến đò Trạm...

Theo Thạc sĩ Trần Quang Toại, Chủ tịch Hội nghiên cứu lịch sử tỉnh Đồng Nai thì chính trong thời gian làm nghề chèo đò trên nhánh sông Đồng Nai, chàng thanh niên Cù lao Phố

Tám Mộng đã có dịp đưa một cán bộ cách mạng cao cấp nhất miền Nam lúc bấy giờ là ông Lê Duẩn qua sông.

Hồi ông Tám Mộng còn sống cũng có một số người tò mò hỏi về chuyện này, ông chỉ cười cười, không nói có mà cũng chẳng nói không. Nhưng xem ra chuyện có cơ sở vì sau này có nhiều tài liệu công bố về người vợ xứ cù lao Biên Hòa của Tổng Bí thư Lê Duẩn là bà Nguyễn Thị Nga khi tham gia cách mạng lấy bí danh là Bảy Vân, nguyên Ủy viên biên ủy, Phó tổng biên tập báo *Sài Gòn giải phóng*. Trong thiên hồi ký *Một chút gọi là*, ông Huỳnh Văn Bình - nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai cũng có kể lại chi tiết: “Vào cuối tháng 1 năm 1983, trước ngày khai mạc Đại hội lần thứ III Đảng bộ Đồng Nai vòng 2, Tổng Bí thư Lê Duẩn về làm việc trước với lãnh đạo tỉnh. Đang nghe một Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy hào hứng báo cáo, “bỗng anh Ba Duẩn đứng dậy và bằng một giọng Quảng Trị: “Dừng, dừng! Lan man! Anh từ đâu đến đây? Anh không biết tôi từng chiến đấu ở vùng này, quê vợ tôi cũng ở đây sao? Đất này, tôi rõ quá mà...”

Chí thú với công việc chèo đò và sống tản tiện, đến tuổi hai mươi, Tám Mộng đã có trong tay một số vốn khá khá. Ông kết hôn với Lê Thị Hôn, cô gái gia đình nông dân bên ấp Bình Tự cùng trên đất Cù lao Phố. Đôi vợ chồng trẻ đã qua thị xã Biên Hòa mở vựa bán tre, cây, lá... là những vật liệu cất nhà rất phổ biến thời bấy giờ và đang có nhu cầu lớn do người dân từ các vùng quê lo sợ tình hình chiến sự ngày càng bất ổn kéo nhau tản cư lên tỉnh lỵ. Gặp thời, Tám Mộng phát lên làm giàu và trở thành cơ sở cung cấp các loại vật liệu cất nhà lớn nhất tỉnh Biên Hòa. Do vậy, khi quân đội Nhật chiếm đóng Biên Hòa muốn mở rộng doanh trại chúng đã chọn ngay nhà thầu vật

liệu có “máu mặt” là ông Tám Mộng. Để đáp ứng tiến độ xây cất của binh lính Thiên Hoàng, có thời điểm ông Tám Mộng phải huy động đến 40 chiếc xe bò xuống miền Tây chở tre, lá, gỗ trầm... về Biên Hòa. Cùng lúc dưới mé sông Đồng Nai nằm sát vừa Tám Mộng là hàng đoàn ghe thuyền tập nập bốc dỡ cát, đá, cây gỗ... đưa lên bờ.

Tập trung được vốn lớn, ông Tám Mộng nhập máy móc về mở trại cửa. Trại cửa được cơ giới đầu tiên ở Biên Hòa đặt bên bờ sông Đồng Nai. Sau ngày giải phóng, trại cửa được đặt tên là Trại cửa Quyết Thắng. Ông Hai Nghĩa (Lê Văn Nghĩa, sinh năm 1933) chủ quán cà phê Da Vàng trên đường Võ Thị Sáu, từng là người làm công cho ông Tám Mộng rất lâu năm cho biết: “Năm 15 tuổi, tôi từ quê nhà Mỹ Qưới sang Biên Hòa làm mượn cho tiệm cơ khí Trần Bùi thì gặp ông Tám Mộng thường đạp xe mang lưỡi cửa đến để chỉnh sửa. Thấy tôi cần mẫn, khéo tay và nhìn tướng tá “coi được” hay sao đó, ông chủ trại cửa bèn xúi tôi nên đi học làm nghề mũi cửa rồi về làm cho ông, ông sẽ trả lương cao, vì khắp Biên Hòa chưa có ai biết nghề này. Thế là tôi bỏ Trần Bùi lên tận Phú Lâm ở Sài Gòn học nghề bóp mũi lưỡi cửa và sau đó trở thành thợ máy cửa chuyên nghiệp cho trại cửa của ông Tám Mộng, kể cả sau đó khi trại cửa trở thành xí nghiệp”.

Nhớ về cái “xóm nhỏ ven sông”, nơi có trại cửa máy của ông Tám Mộng trong giai đoạn 1948-1949 (nay là khu phố có nhiều hàng quán nổi tiếng như: cà phê Lido, Cây bàng, Thúy Nga, tiệm vịt quay Bôi Ký, xe bánh mì Minh Thư, pizza Pháp... trên đường Cách mạng tháng Tám thuộc khu phố 1, phường Quyết Thắng) được ông Lê Thành Bá, nguyên Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa kể lại trong toàn tập hồi ký *Thời niên thiếu*

như sau: “Năm 1938, gia đình từ Phan Thiết chuyển vô Biên Hòa muốn được một căn nhà 3 gian, vách ván, ngói âm dương, nền gạch tàu, ở ngay trung tâm Hạt Biên Hòa, tổng Phước Vĩnh Thượng, làng Bình Trước.

Chủ nhà là thầy Đốc Công trường Nguyễn Du (Lê Văn Công), có khu vườn nhà rộng lớn ven sông Đồng Nai giáp trường này. Cùng muốn dãy nhà 3 căn có 3 thầy: thầy Năm Ớn (công chức Tòa Bố) ở bìa căn trái, thầy Sáu Nhơn (viên chức Ngân hàng Biên Hòa) ở căn giữa và thầy Hai Tòng (kế toán kho tiệm rượu bang Trần Lâm) ở căn bìa phải. Hồi đó, ai có ăn học, có nghề đi làm, thường gọi là “thầy”. Trước dãy nhà này nhìn ra là lộ 1, đường đá xanh, giữa hai mép đất cỏ xanh, rộng khoảng 5-6 thước (trước giải phóng đặt tên đường Hàm Nghi, sau 30/4/1975 đổi lại thành Cách mạng tháng 8 đến giờ). Đây là trục lộ chính từ trung tâm ngã ba Sông Phố trước trường Bá nghệ Biên Hòa rẽ đi 3 hướng: Hướng trước mặt đến Đài kỷ niệm, hướng thẳng lên chợ Biên Hòa, hướng trái đi về Thủ Đức - Sài Gòn qua hai cầu Rạch Cát, cầu Gành...

Thường ngày, trên lộ 1 xe cộ qua lại cũng rất thưa thớt. Chỉ có bữa sáng đi chợ là thấy nhiều người cuốc bộ và nhiều chuyến xe thổ mộ (xe ngựa có mui) qua lại. Xe đò loại traction citroen đưa đón hành khách đi về Thủ Đức - Sài Gòn chỉ có vài chuyến trong ngày. Còn phần lớn, dân Biên Hòa đi Sài Gòn đều đi xe lửa rẻ tiền hơn. Đối diện, sát mép bên kia đường là cái fontaine (cột vòi nước máy) dùng chung cả xóm. Dịch sang bên trái, có con đường mòn dẫn bộ sâu vào một xóm nhỏ khác (sau này gọi là hẻm Cây Me). Trước mặt dãy nhà tôi, nhìn lệch sang phía phải là cánh đồng ruộng trống trải, chỉ nhìn thấy một kẻ chỉ màu đen giăng ngang từ trái sang phải, giáp mí giữa

chân trời với mặt đất, đó là đoạn đường sắt chạy qua ở xa xa. Chòm xóm hồi đó, chụm lại có nhiều kiểu nhà: nhà tô, nhà ngói, nhà lá thuộc nhiều giai tầng. Phía trước, hai bên nhà ngói âm dương 3 căn của 3 thầy là 2 dãy nhà tô 3 căn, theo kiến trúc Pháp. Căn đầu bên trái là nhà ông Tám Chiếm, gia đình công chức trí thức, căn đầu bên phải là nhà đốc tờ Bá. Áp tường bên ngoài nhà ông Tám Chiếm, có che thêm một chái, mái lợp dừa, là gia đình ông Kính-bà Năm Măng (làm nghề tài xế, thợ máy).

Phía sau nhà tôi, sát mé sông bên phải là nhà của gia đình thầy Hai Mẫn, rất đông anh chị em (Tư Thành, Năm Thanh, Sáu Sở, Bảy Tú, Chín Hớn... làm đủ các ngành nghề dạy học, thợ thêu, thợ may, y tá, thợ máy) trong đó, thầy Mẫn là người dạy tôi môn vẽ ở trường Nguyễn Du. Mé sông bên trái là trại cưa của gia đình ông Tám Mộng (Dương Văn Hảo), nhà có 2 con hay chơi thân với tôi là thằng A và con B (sau này có cả đàn em C, D, E...). Con B học chung lớp tôi ở Nguyễn Du. Nó học rất dở hai môn (toán và vẽ), thường ngày tôi phải qua nhà nó “dạy kèm”. Sau 1975, hai đứa gặp nhau, lúc đó, cô B (Dương Thị Bê) ngày nào đã là chủ khách sạn 7-9B, ông Tám Mộng (ba cô B) đã là tư sản nhà đất. Sau này, cả cha, con đều đã hiến tặng cho cách mạng: Khách sạn 7-9B (hiện là khách sạn-nhà hàng Hòa Bình), Biên Hòa Club (nay là phòng Xuất nhập cảnh - Công an Đồng Nai), khách sạn Vĩnh An, trụ sở Sở Ngoại vụ Đồng Nai...”.

CON ĐƯỜNG ĐƯỢC GỌI TÊN TÁM MỘNG

Cũng theo lời ông Lê Văn Nghĩa: “Khu đất mà gia đình chúng tôi mở quán cà phê vườn Da Vàng là mua của ông Tám Mộng. Không chỉ tôi, bác sĩ Hoài, Giám đốc Nhà thương điên Biên Hòa mua đất của ông Tám Mộng để cất ngôi nhà số 79

trên quốc lộ 1 (nay là 167, đường Hà Huy Giáp), mà toàn bộ nhà cửa, công sở nằm trong khu đất rộng lớn bên này đường đắp mới trước đây đều là đất của ông Tám Mộng”.

Ông Dương Đình Hải - cháu cụ Tám Mộng, người đang thừa tự ngôi biệt thự ở số 103, đường Hà Huy Giáp cho biết: “Đúng như cụ Lương Văn Lựu mô tả “Ngã năm Biên Hùng và đường đắp mới vốn là vùng ruộng nước, ao lục bình hoang vu”, khu vực bên phía phường Quyết Thắng bây giờ, hồi đó cũng như vậy, có chỗ lênh láng như bầu nước. Vậy mà biết nhìn xa trông rộng lại có đầy đủ tài lực, vật lực trong tay, ông nội tôi đã bỏ tiền ra mua lại toàn bộ vùng đất hoang vu, lầy lội rồi huy động hàng trăm xe bò khắp các xóm làng ở Biên Hòa và các khu vực phụ cận như Cầu Hang, Ngãi Thắng, Châu Thới, Tân Thành, Bửu Long... chở đất đá đến đắp con lộ nối từ đường Hàm Nghi (nay là Cách mạng tháng Tám) đụng với đường đắp mới (nay là Hà Huy Giáp) có con đường đi lại xong, ông nội tôi tiếp tục cho đổ đất và phân lô cất nền bán. Khu dân cư mới ra đời chưa có danh tính hành chánh. Những người mua đất xin giấy phép cất nhà trả lời với cơ quan xây dựng chỉ biết nói là ở “đường ông Tám Mộng”.

Thế là ông nội tôi bị chính quyền tỉnh Biên Hòa hồi đó mời lên cật vấn: “Ai cho phép ông lấy tên ông đặt cho con đường?”. Công dân Dương Văn Hảo phải biện bạch mãi mới được tha cho ra về. Sau đó con đường “ông Tám Mộng lập” được đặt tên là đường Công Lý (nay là đường Võ Thị Sáu)”.

Với hàng loạt công trình xây dựng mang tầm vóc quy mô hiện đại nhất thời bấy giờ do ông Tám Mộng đầu tư như: Khách sạn 9A-9B (sau giải phóng đổi thành Nhà hàng – khách sạn Hòa Bình) long lẫy và hoành tráng bậc nhất Biên Hòa, kể

bên là dãy phố 42 căn, Trường Mẫu giáo Chim Non và cách đó không xa là ngôi nhà lầu đồ sộ có sân tennis sát bên của ông chủ thầu Bảy Lộ (nay là trụ sở Mặt trận Tổ quốc tỉnh). Phía bên kia đường, một ngôi biệt thự có sân vườn rộng mát (nay là trụ sở Sở Ngoại vụ), được xem là nhà lớn của gia đình ông Tám Mộng đã biến con đường Hàm Nghi không dài lắm, nếu không muốn nói là khá ngắn ở thành phố Biên Hòa trở thành “con đường quý tộc”. Và sau khi ông Tám Mộng cho phái bộ quân sự Mỹ ở Biên Hòa thuê khách sạn 7A-9B để làm doanh trại cho MC (Quân cảnh Mỹ) thì việc vào ra con đường không còn dễ dàng đối với những người “vô phận sự” với tấm bảng “miễn vào” cắm ở đầu đường. Thời kỳ này khu vực (tòa soạn Báo Đồng Nai hiện nay) là một bãi đất trống được quân Mỹ trải ghi sắt làm bãi đáp dã chiến cho trực thăng.

Với khoản tiền lớn thu được từ hợp đồng cho thuê dài hạn khách sạn 7A-9B, ông Tám Mộng tiếp tục đầu tư xây dựng một khách sạn - nhà hàng có cả hồ tắm cùng những dịch vụ phục vụ sang trọng nhằm thu hút “khách VIP” là chỉ huy, sĩ quan cao cấp Mỹ thường dành ngày nghỉ cuối tháng sang Bangkok (Thái Lan) du hí cùng tướng tá quân đội, cảnh sát có “máu mặt” chịu khó ăn chơi. Một Biên Hòa Club hào nhoáng bậc nhất miền Đông, kể cả Sài Gòn được ra đời tại khu vực Vườn Mít giữa lòng “tam giác khách VIP” vô cùng địa lợi là: Nha cảnh sát Miền Đông, Nhà Xanh - nơi đặt trụ sở phái bộ quân sự Mỹ ở Biên Hòa, Bộ Tư lệnh Quân đoàn III, quân khu III quân lực VNCH.

Khi đã trở thành chủ của cả khối tài sản, bất động sản khổng lồ, giàu sang tột đỉnh, mà trong giới công thương gia kỳ cựu không ít người đồn đoán ông Tám Mộng là người giàu nhất Biên Hòa. Chỉ khi phải tiếp đãi thượng khách là quan

chức hoặc “thầy chú” có ảnh hưởng đến quan hệ làm ăn, đại gia Tám Mộng mới mặc áo sơ mi trắng dài tay, mời rượu Tây cao cấp, cùng thưởng thức cao lương mỹ vị; còn bình thường ông vẫn duy trì nếp sống của thời hàn vi nghèo khó. Ông ăn mặc thật giản dị, bữa ăn chỉ thích canh bí, canh bầu với món mặn là mắm xối, cá khô.



Cụ Tám Mộng bên cội thiên tuế trong sân vườn nhà.

Con người có biệt tài kiếm ra rất nhiều tiền lại đặc biệt rất yêu thích cây kiểng, nhất là các loại kiểng cổ Nam Bộ có dáng thế mang đậm màu sắc triết lý phương Đông như: tam cương ngũ thường, tam tông tứ đức, ngũ phúc... Do vậy khi đem những cây kiểng nghệ thuật ra Hà Nội tham dự Hội Hoa

Xuân toàn quốc lần thứ 1, “nghệ nhân” Dương Văn Hảo của Đồng Nai giành được nhiều huy chương vàng không phải là điều khó hiểu. Sau khi hiến toàn bộ tài sản quan trọng gồm các khách sạn, nhà hàng, cơ sở địa ốc cho nhà nước, cụ Tám Mộng lui về ngôi biệt thự trên đường Hà Huy Giáp để an dưỡng tuổi già bên hàng trăm chậu kiểng thiên tuế, vạn tuế cổ thụ giăng mắc khắp sân vườn.

Mùng 6 Tết năm 2008, con người từ hai bàn tay trắng và một thời giàu nhất Biên Hòa đã từ giã cuộc đời. Cụ Dương Văn Hảo được đưa về an nghỉ ở thôn trang Long Quối trên đất Cù lao Phố, tại nơi 97 năm trước cụ mở mắt chào đời.

LƯƠNG VĂN LỰU

Tác giả *Biên Hòa sử lược toàn biên*



Ảnh chân dung ông Lựu.

Theo ông Hai Quan (Võ Văn Quan) - một người sống lâu đời ở khu vực xóm Lò Heo - một thời khét tiếng ở Biên Hòa và cũng là một trong những thành viên Ban quý tế đình Tân Lâm qua nhiều nhiệm kỳ cho rằng: Trong số những nhân vật tên tuổi thuộc hàng cố cựu ở Biên Hòa mà tôi biết được thì thầy Tư Lựu là người mà tôi kính nể nhất. Thầy Tư không chỉ là tác

giả bộ sách *Biên Hòa sử lược toàn biên*, được nhiều người biết tiếng, mà trong cuộc sống đời thường, nhất là trong vai trò cố vấn ban quý tế đình Tân Lâm cụ rất bình dị, gần gũi thân thiện chỉ dẫn cho anh em từng chút một trong các nghi thức bái tế, giao tiếp, ứng xử với quan khách, khách thập phương...

CÁI GIẾNG CỔ Ở LÒ HEO

Ông Hai Quan còn cho biết một câu chuyện khá đặc biệt về thầy Tư Lựu mà đến giờ nhiều người ở xóm Lò Heo (nay thuộc khu phố 2, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa) còn nhớ và nhắc hoài. Đó là chuyện anh Năm Ri (hiện là chủ một hệ thống nhiều quán lẩu tôm rất nổi tiếng) từ vùng kinh tế mới dắt vợ con lếch thếch về lại Biên Hòa xin ở đậu bên mé nhà của ông Hai xích lô trong xóm lười cạnh bờ sông Đồng Nai. Trọng lúc anh em bè bạn cùng thất nghiệp ở xóm Lò Heo xúm vô phụ với Năm Ri sửa lại góc nhà lụp xụp cho vợ con anh tạm trú, thì thấy dưới nền nhà có mấy viên đá cũ có hình dáng lạ mắt. Tò mò, Hai Quan lấy một viên đá mang đến “báo cáo” với thầy Tư Lựu.

Sau một hồi ngắm nghía viên đá lạ, thầy Tư dẫn giải: Đây là đá xây giếng của người Chăm. Theo tài liệu mà tôi nghiên cứu được thì khu vực Lò Heo - Cây Chàm mà mình đang ở đây có 2 cái giếng cổ của người Chăm: một ở dưới xóm chài sát bờ sông Đồng Nai, một cái nằm ở khu vực Hoa Lư. Ai làm chủ cái giếng cổ và chịu khó cúng kiếng thì làm ăn phát đạt, tài lộc vô như nước! Chú em nên khuyên bảo người anh em đang cai quản cái giếng nên coi sóc chu đáo, thế nào sau này cũng giàu có.

Nghe Hai Quan nói lại, ai cũng cười ngất. Năm Ri đang thất nghiệp, không có chỗ ở, phải nương nhờ nhà người quen;

vợ ra chợ Biên Hòa phụ việc cho vựa cá để kiếm tiền nuôi chồng con thì ngóc đầu lên đã không muốn nổi rồi, nói gì đến chuyện giàu có.

Nhưng thật không ngờ, từ những con tôm ế, thừa sau buổi chợ được vợ Năm Ri mang về làm món nhậu cho chồng cùng mấy người bạn “quá rảnh” (vì không có việc làm trong giai đoạn đất nước vừa thống nhất, đang còn khó khăn) trở nên nổi tiếng đến mức con hẻm Mạch Nha sâu hoắm dẫn vào nhà Năm Ri trở thành hẻm mang danh hiệu “Lẩu tôm Năm Ri”. Ban đầu, bạn bè, khách khứa kéo đến ngồi bệt dưới đất nhậu ké, sau đó trả tiền để mua sắn bàn ghế, bia rượu... Từ người ở nhờ bên mái, chỉ một thời gian sau Năm Ri trở thành chủ toàn bộ ngôi nhà và cả khu đất rộng lớn. Thương hiệu “Lẩu tôm Năm Ri” vang xa. Từ một quán Năm Ri đầu tiên, nơi có cái giếng cổ, ngày nào cũng đông khách, thêm mấy quán Năm Ri nữa ra đời. Nghe đâu chuyện đếm tiền hàng đêm khá là vất vả.

Ông Hai Quan cho rằng việc giếng cổ Chăm linh thiêng hay không thì thực hư khó biết, nhưng lời tiên đoán của thầy Tư Lự về sự thịnh vượng của chủ quán Năm Ri quả không sai. Chỉ một chuyện mắt thấy tai nghe này, ông Hai Quan đã phục sát đất “thầy Tư” Lương Văn Lự.

BỘ ĐỊA CHÍ ĐẦU TIÊN CỦA BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Trong quyển sách *Văn học Đồng Nai - Lịch sử & Diện mạo* nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy cho biết: “Đến bây giờ, việc thực hiện những chuyến điền dã nhằm sưu tầm những giá trị văn hóa dân gian vẫn rất cần thiết, vì thực tế chưa được bao nhiêu. Có thể rồi đây chúng ta sẽ sưu tầm và lưu giữ được nhiều truyền thuyết, truyện cổ tích, nhiều câu ca dao, dân ca và cả phong tục, tập quán mà hiện nay ai cũng biết đang mai

một đi rất nhanh. Nhưng liệu chúng ta có sưu tầm và lưu giữ gần như trọn vẹn cách nghĩ, cách nói và nhất là tâm hồn, tâm thức của người miền Đông Nam Bộ nói riêng hay bất cứ vùng, miền nào khác trên đất nước ta, chính là ở đây, miền là ở nơi đó có được những con người... Bây giờ, xin nói sơ lược về cách mà một số nhà văn, nhà thơ miền Đông Nam Bộ thời hiện đại kế thừa từ văn hóa dân gian. Cách thứ nhất là, ghi chép chân thật để lưu giữ những giá trị văn hóa dân gian mà tiêu biểu là Lương Văn Lựu. Tuy đặt tên là *Biên Hòa sử lược toàn biên*, nhưng thật ra công trình của Lương Văn Lựu xứng đáng là một bộ địa chí. Trong đó, tác giả đã dành dung lượng đáng kể để mô tả kỹ lưỡng về đời sống, văn hóa, xã hội của tỉnh Biên Hòa qua các thời đại; ghi chép cẩn thận, chi tiết từng truyện kể, giai thoại trong dân gian”.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng Lương Văn Lựu đã miệt mài suốt hơn 30 năm để sưu tầm, biên soạn bộ sách *Biên Hòa sử lược toàn biên*, khởi thảo từ năm 1958 sau khi nghiên cứu sâu về Biên Hòa đã rút ra nhận định: “Đây là vùng đất lớn, chiếm gần trọn miền Đông, lại hình thành rất lâu đời trong Nam kỳ lục tỉnh là vùng đất mang nhiều giá trị văn hóa, trù phú và yên bình”.

Thực ra, trước đó, từ những năm 1940, Lương Văn Lựu đã bắt đầu góp nhặt tư liệu về Biên Hòa. Chính điều này đã làm cho bộ sách *Biên Hòa sử lược toàn biên* với 5 quyển, bao gồm: *Trấn Biên cổ kính*, *Biên Hùng oai dũng*, *Đồng Nai thơ mộng*, *Biên Hòa tân tiến*, *300 năm thành lập người Việt gốc Hoa trên đất Đồng Nai* có được nhiều sử liệu quý hiếm. Năm 1972, tác giả Lương Văn Lựu đã đứng ra tự xuất bản 2 quyển: *Trấn Biên cổ kính* và *Biên Hùng oai dũng*. Ông cũng là tác giả của bản

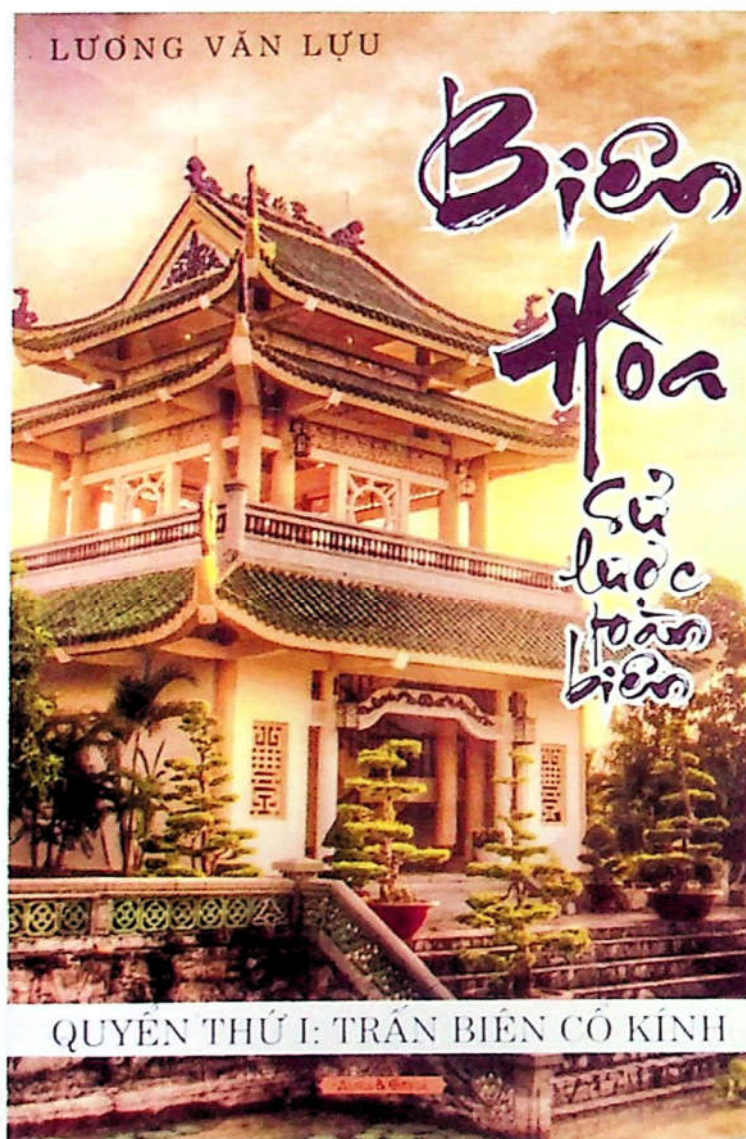
vọng cổ *Biên Hòa quê hương* tôi được nhiều người đương thời ưa thích. Đặc biệt, Tư Liệu rất thích làm thơ, ông sáng tác trên 200 bài thơ được in thành 3 tập với nội dung hầu hết tả phong cảnh, đặc sản Biên Hòa - Đồng Nai. Những năm cuối đời ông Lương Văn Liệu chuyên tâm vào việc nghiên cứu liễn, hoành phi, bia ký đình miếu và có thêm hàng trăm bài thơ vịnh cảnh chùa. Trong đó có bài *Thơ chúc Xuân Giáp Tý* có đề từ: *Thân gửi ông bạn Trần Xuân Roanh "Duyên Anh Đào" Phước Lư* với lời lẽ thật hồn hậu chân tình, làm cho ông "bạn già cũ" Trần Xuân Roanh mấy chục năm vẫn còn trân trọng gìn giữ bài thơ:

*Cảm ơn trà gói đượm hương thanh
Đáp ta, trao nhau lời chúc lành
Nhà cửa yên vui, gia thế thịnh
Cháu con đỗ đạt, tử tôn vinh
Kinh doanh khi trước, nghề tinh tấn
Nói chí ngày nay, sống giữ danh
Xuân lại thêm già, ngày cũ nhớ
Bao nhiêu kỷ niệm, bấy nhiêu tình.*

Biên Hòa, mừng một Tết năm Giáp Tý

Bạn già cũ

Lương Văn Liệu, nhân sĩ.



Bìa tập 1 của bộ sách *Biên Hòa sử lược toàn biên*.

CÙNG LÝ VĂN SÂM MỞ NHÀ SÁCH

Năm 1943, Lương Văn Lựu được người bạn thân là nhà văn Trọng Khanh (Lý Văn Sâm) sau nhiều năm thág phiêu lưu, vừa dừng bước giang hồ cùng hai người bạn trí thức trẻ ở Biên Hòa là sinh viên kiến trúc Nguyễn Văn Lý (con trai bác sĩ Nguyễn Văn Hoài, Giám đốc Bệnh viện tâm thần Biên Hòa) và Huỳnh Sanh (sau này là nhà thầu xây dựng) rủ nhau mở nhà

sách. Bốn người thuê được một căn nhà rộng 4 mét, dài 16 mét thuộc văn phòng của trạng sư Lê Văn Trá nằm ở góc đường Gallimard (nay là đường Quang Trung) và đường Nguyễn Hữu Cảnh (nay là đường Cách mạng tháng Tám) ở trung tâm thị xã Biên Hòa. Nhà sách được đặt tên Sông Phố có khoảng 1.500 quyển sách, phần nhiều là truyện Tàu và tiểu thuyết xã hội, báo mới mỗi ngày đều bằng tiếng Pháp. Nhà sách Sông Phố luôn có khách vào ra, nhiều nhất là giới học sinh, thanh niên trí thức; ngoài việc mua báo, mượn truyện, nhiều người còn muốn được dịp gặp gỡ, chuyện trò với 2 nhà văn tỉnh nhà có tên tuổi được biết đến trong khắp cả nước là Nhứt Lưu và Trọng Khanh. Nhà sách đầu tiên này ở Biên Hòa tồn tại cho đến tận ngày toàn quốc kháng chiến.

Vào tháng 5/1946, nhà văn Lý Văn Sâm - cán bộ tuyên truyền của Ty Thông tin tỉnh Biên Hòa kháng chiến bị quân Pháp bắt được tại Bình Long trong một trận càn. Chúng đưa nhà văn cách mạng về giam tại khám lớn Biên Hòa và sau đó thả ra để chịu sự quản thúc ngay tại thị xã.

Tranh thủ cơ hội, Lý Văn Sâm bèn rủ Lương Văn Lựu mở lại nhà sách Sông Phố. Lần này, nhà sách chỉ bán báo tiếng Việt như: *Thống Nhứt*, *Việt Bút*... Ngoài việc đồng ý cho Mô là em trai của Lý Văn Sâm phụ việc sắp xếp sách, báo, ông Lựu còn chấp thuận cho Huỳnh Văn Mạnh – một người bạn nghèo của hai nhà văn mượn một góc nhà sách mở tiệm hớt tóc.

Đầu năm 1947, Lý Văn Sâm lên về Bình Long “ăn Tết” bị bọn chỉ điểm phát hiện báo cho “phòng nhì” Pháp. Một bữa, đang ngồi ở nhà sách Sông Phố thì bất ngờ có một cô gái tên Hoa- con người lính mã tà ở Biên Hòa hớt hải đạp xe tới nói nhỏ: “Một lát nữa, ba tôi đến bắt anh!”. Nghe vậy Lý Văn Sâm

bèn đứng bật dậy nói với Mô và Mạnh: “Hai người coi nhà sách ghen! Tui đi uống cà phê!”, rồi bỏ trốn.

Khi bọn mã tà ập đến, không tìm thấy Lý Văn Sâm, chúng bèn bắt Mô và Mạnh đưa về nhốt ở bót Tân Ba (hồi đó thuộc quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa, nay thuộc tỉnh Bình Dương) và định đến đêm lòi ra bắn bỏ nhưng một người bạn đánh cờ với Mô biết tin, vội cầu cứu chị là “bồ nhí” của tên quan Tây D’Adrian nên Mô và Mạnh được thả ra.

Theo nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy : “Lý Văn Sâm chỉ có một người em trai là Lý Văn Mô. So với anh Hai, Lý Văn Mô được học hành ít hơn nhưng có tài đánh cờ tướng, từng được phong là Vua cờ Nam kỳ và đã viết một số sách về cờ tướng lấy bút hiệu Lý Anh Mậu. Ông Mô đã mất ngày 25/5/1975, lúc còn làm công nhân Nhà in Phú Nhuận”.

TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU

Sinh ngày 22/12/1916 tại bến đò Bình Long thuộc ấp Tân Lại, xã Tân Thành, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa, Lương Văn Lựu là con trai thứ ba của Hương cả làng Bình Trước Lương Văn Lê - một thầy thuốc đông y nổi tiếng ở Biên Hòa. Được người chị hai (Lương Thị Vưng) tảo tần bán cháo cá nuôi ăn học, năm lên 7 tuổi Lựu được vào Ecole primaire complémentaire de Biên Hòa (nay là Trường Tiểu học Nguyễn Du). Sau đó Lựu ở nhà tự học, từng bước thông thạo cả Quốc ngữ, Hán tự, Pháp văn và năm 1935 thi đậu diplome.

Lương Văn Lựu là một trong số người đầu tiên ở Biên Hòa có bài viết trên các báo tiếng Việt. Có tài liệu cho thấy là từ năm 1932, tức mới 16 tuổi Lương Văn Lựu đã lấy bút danh Nhứt Lựu viết bài trên Tiểu thuyết Thứ Bảy và sau đó (khoảng năm 1935)

còn được giao phụ trách chuyên mục và chuyên trang văn nghệ của các báo Sài Gòn mới, Trung lập, cùng Băng Dương (Bùi Nhung) dịch thơ Pháp...

CHỦ BÚT BÁN NGUYỆT SAN BIÊN HÙNG

Năm 1936, trước khi kết hôn với Phan Thị Nở - cô gái diu hiền ở làng Bình Trước, chàng trai hai mươi tuổi họ Lương đã đến tiệm chụp hình của thầy Ba Lâu nằm cạnh chợ Biên Hòa để học nghề nhiếp ảnh và tỏ ra khá thành thạo công việc phòng tối như: tráng, rửa phim... Có vợ vẫn không làm cho Lương Văn Lựu quên đi niềm say mê học tập, nghiên cứu cùng các hoạt động văn nghệ, báo chí...

Qua đó, từ một cây bút cộng tác, năm 1948, Lương Văn Lựu được cử làm chủ bút nguyệt san Biên Hùng - một ấn phẩm tháng ra 2 kỳ của tòa Hành chánh tỉnh Biên Hòa (chế độ VNCH) do Lý Quý Phát (thân phụ nhà báo Chánh Trinh, Lý Quý Chung - Tổng trưởng thông tin cuối cùng của chính phủ Sài Gòn) làm chủ nhiệm.

Năm 1950, Lương Văn Lựu chính thức bước chân vào con đường làm công chức cho chính quyền VNCH tỉnh Biên Hòa. Với kinh nghiệm và năng lực sẵn có, chỉ 2 năm sau ông được đề bạt làm Trưởng phòng hành chánh Ty Công chánh Biên Hòa kiêm Quản đốc hầm đá Bửu Long. Ông quản đốc trẻ, vui tánh, thường tự lái xe chở công nhân vào tận các mỏ đá. Thời đó còn khai thác đá lộ thiên.

Năm 1954, Lương Văn Lựu được cử làm Ủy viên hội Thể thao Biên Hòa. Ông thường xuyên có mặt trên sân cỏ và tại nhiều giải thi đấu bóng đá, ông còn trực tiếp cầm còi. Năm 1963, Lương Văn Lựu được bổ nhiệm làm Trưởng ty Hành

chánh tỉnh Biên Hòa - đặc trách hành chánh quận Long Thành, rồi sau đó là Trưởng ty Kinh tế tỉnh Biên Hòa cho đến khi nghỉ hưu vào năm 1970.

Vị quan chức đảm nhiệm các vị trí béo bở của một tỉnh “ngon ăn” như Biên Hòa lại có cách sống đạm bạc: không cà phê, thuốc lá, không nhậu nhẹt và cũng chưa từng bước vào snack bar. Do tính cách lạnh mạnh, nghiêm túc và tỏ vẻ “không chịu chơi”, nên đã không ít lần Lương Văn Lựu bị cấp trên “đi” cho “hạ tầng công tác”.

Năm 1960, trước gánh nặng gia đình ngày một thêm chồng chất của một công chức có nếp sống thanh bạch lại đông con đang độ tuổi ăn học, ông Lựu đành bàn với vợ sử dụng căn nhà 3 gian 2 chái rất đồi yên bình nằm ở khu vực Cây Chàm trên con đường lộ trái đá mà ông xây cất từ năm 1947 để làm quán bán cơm. Căn nhà số 56 đường Nguyễn Hữu Cảnh bán cơm cùng các món canh, xào, mặn với giá bình dân dù không treo bảng hiệu vẫn rất đông khách, mỗi ngày nấu đến 1 tạ gạo mới đủ bán. Khách quen gọi quán cơm đầu tiên ở Cây Chàm này là “Quán thầy Tư Lựu”.

Năm 1965, khi được bổ nhiệm làm Trưởng ty Kinh tế tỉnh Biên Hòa, ông Lựu đã vận động ông Bang Trần Lâm - một đại gia gốc Hoa tên tuổi ở Biên Hòa, Chợ Lớn tài trợ gạo để mở quán cơm xã hội tại góc đường Nguyễn Hữu Cảnh- Nguyễn Trãi (nay là đường Cách mạng tháng Tám - Nguyễn Trãi, nằm đối diện với Chi cục thuế Biên Hòa, nay không còn nữa). Quán cơm xã hội đầu tiên ở Biên Hòa có suất thức ăn cũng giống như quán thầy Tư Lựu, nhưng cơm được ăn miễn phí và bao no và giá lại rẻ hơn, nên dù phải xếp hàng và tự tay bưng mâm đã thu hút rất đông tầng lớp lao động, học sinh nghèo Biên Hòa.

Riêng quán thầy Tư Lựu (tức ngôi nhà 56, đường Nguyễn Hữu Cánh) ở Cây Chàm, mãi đến năm 1972 mới được con trai ông Tư Lựu là trọng tài bóng đá Lương Minh Nhan cất lại thành 1 trệt 1 lầu. Căn nhà hiện nay mang số 74A, đường Cách mạng tháng Tám và là quán cá cơm lăn bột nổi tiếng ở Biên Hòa, mà dân sành điệu hay gọi là “quán trọng tài Nhan”.

Năm 1972 đánh dấu cột mốc quan trọng trong cuộc đời Lương Văn Lựu. Nghỉ hưu từ năm 1970, nhưng đến năm này ông mới ky cóp tiền bạc in được 2 tập đầu của bộ *Biên Hòa sử lược toàn biên*. Đây cũng là năm căn nhà ông sống từ thuở vào đời được con ông “trùng tu, nâng cấp”; và cũng khá bất ngờ ông được Quận Cơ- Chủ tịch HĐQT mời làm Giám đốc Ngân hàng Nông thôn quận Công Thanh (nay là huyện Vĩnh Cửu).

Sau ngày thống nhất đất nước, nhưng tình hình an ninh chính trị ở Đồng Nai đang rất phức tạp, các nhen nhóm phản động ngóc đầu dậy, móc nối hoạt động, mục tiêu trước mắt là tổ chức chống phá vào dịp kỷ niệm 30/4. Không nhận thức được tình hình, ông cựu giám đốc ngân hàng nông thôn đã dùng giấy mời khách hàng đến đòi nợ rồi đóng mộc ngân hàng không còn giá trị để hợp mặt thành viên vào cái ngày rất nhạy cảm: 29/4/1976 nên bị lực lượng an ninh nội chính bắt giữ và đưa đi cải tạo.

Cuối đời có vài nổi bất hạnh đến với vị nhân sĩ Biên Hòa hiền lành, đức độ này. Năm 1983, mắt ông bị mờ sau tai nạn vấp té, phải nằm một chỗ. Niềm vui hiếm hoi của ông lúc này là thỉnh thoảng được vài người bạn cũ đến thăm và trò chuyện. Trong đó có người bạn văn thuở mới vào đời là Lý Văn Sâm, nay là Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đồng Nai đang bận rộn đến tối tăm mặt mũi, không còn thời gian sáng tác;

những Kiên Giang, Sơn Nam... tranh thủ ghé thăm do bận rộn chuyện tồn tại và mưu sinh trong cái thời “cơm áo khó!”. Đến năm 1984 thì hai mắt ông mù hẳn do tuổi cao sức yếu và cườm nước không mổ được. Trong tình cảnh tối tăm, ông Tư Lựu vẫn sốt sắng tiếp, cung cấp tư liệu cho các nhà nghiên cứu trẻ, nhà báo, sinh viên làm luận văn đến tìm hiểu về Biên Hòa xưa.

Cụ Lương Văn Lựu mất vào lúc 7 giờ sáng ngày 30/5/1992, thọ 77 tuổi. Trong số hơn 300 bài thơ hầu như dành cho việc ca ngợi phong cảnh, đất nước Biên Hòa - Đồng Nai, hình như tác giả *Biên Hòa sử lược toàn biên* chỉ có hiếm hoi một bài thơ tự sự *Tủi phận mình* nhằm trang trải nỗi lòng, như một lời trần trối cuối đời được người bạn Văn Lang ở Chợ Đồn (phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa) còn lưu giữ:

Những tưởng thuận chân bước thẳng trình

Nào ngờ định mệnh lại xoay quanh

Hè trưa lửa trở lưu hồng đỏ

Thu sớm nước im lá thắm xanh

Tình cảm lửa đun hương dịu mát

Tâm tư nước gợn ý trong lành

Đàn xưa so phím duyên không nó

Nay bấm cung thương lạc hướng tình.

Nhưng trước đó khá lâu, vào ngày 10 tháng 3 năm Tân Hợi (1971) trong *Lời tựa* viết cho quyển thứ 1 *Trấn Biên cổ kính*, cụ Lương Văn Lựu đã bày tỏ nỗi lòng mình một cách chân tình: “... Tôi không có cao vọng theo con đường của một Ngô Sĩ Liên, một Phan Huy Chú, một Trần Trọng Kim, một Phạm Văn Sơn, nhưng chỉ vì nặng tình bản sở, mà làm kẻ lữ hành nhỏ bé,

đi từ bước một, trên đường sử học, nhặt từng mảnh sử liệu vụn vặt ở mỗi nơi, ghi chép từng mẩu chuyện truyền khẩu ở mỗi vùng, giẫm chân trên gần khắp miền Đông, từ thành thị đến thôn quê, thăm hàng ngàn gia đình, mót cọng lúa vàng trên đồng, xem hột thạch sa dưới nước hoặc đào bới dưới đáy giếng sâu, đọc tấm bia mộ rêu phong, viếng đình, chùa, miếu môn cổ kính, bẻ cành cổ thụ trong rừng thiêng, nhặt hòn đá cuội trên núi thẳm, đến xem một số di tích xưa còn lưu tại viện bảo tàng, trong ba mươi năm trời công phu sưu tập, để hôm nay, hoàn thành được bộ sử lược này, mà tôi coi như là kết tinh đời văn học của tôi”.



Ông Lương Văn Lựu.

PHAN THỊ BẠCH VÂN

Nữ lưu kiệt xuất



Nữ lưu Bạch Vân

Trong quyển *Sài Gòn cổ sự* nhà nghiên cứu Bằng Giang cho rằng: “Tính đến năm 1930, văn học Quốc ngữ Nam Kỳ có non 20 tác giả nữ còn để lại tác phẩm in thành sách, nhưng các tác giả trên không để lại một tiếng vang nào ngoại trừ Phan Thị Bạch Vân, chủ nhân Nữ lưu thơ quán ở Gò Công”.

Nhà giáo ưu tú Phan Thanh Sắc- tác giả của loạt sách: *Gò Công - vọng tiếng đất lành*, *Gò Công - lặng thầm hương sắc*, *Gò*

Công - những trang sử... cho biết: “Bà Phan Thị Bạch Vân, có cái mảng tối bao trùm đời tư... Một người đàn bà không phải quê ở Gò Công, mà theo chồng về chợ Gò Công lập Nữ lưu thư quán chỉ dưới hai năm 1928 - 1930, rồi rời về Sài Gòn mà làm vang danh Gò Công trong ngành văn học: Nữ Lưu Thư Quán Gò Công”. Và tác giả Phan Thanh Sắc đã đưa ra nhận định: “Tuy xuất hiện ngắn ngủi trên văn đàn, bà cũng đã được trân trọng đánh giá: “Một điều gần như chắc chắn, bà là người phụ nữ đầu tiên trong thế kỷ XX ở Nam Kỳ nói riêng và trong cả nước nói chung biết kết hợp song song những hoạt động thương mại và hoạt động truyền bá văn hóa, văn học một cách tài tình và hiệu quả”.

Khá bất ngờ là trong tờ nội san *Kịch Ảnh* của Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai, ông Mai Sông Bé, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh Đồng Nai, Giám đốc Đài Phát thanh & Truyền hình Đồng Nai đã có một bài viết công bố: Nữ lưu Phan Thị Bạch Vân là người Biên Hòa - Đồng Nai.

Nhà giáo Ưu tú Phan Thanh Sắc cũng cho biết là vào năm 2006, nhóm nghiên cứu thuộc khoa Ngữ văn - Báo chí của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh do Tiến sĩ Đoàn Lê Giang cùng cộng sự là các nhà khảo cứu Cao Tự Thanh, Trương Ngọc Tường và sinh viên về Gò Công làm đề tài *Phan Thị Bạch Vân và Nữ lưu thư quán Gò Công* đã giúp cho ông sáng tỏ thêm nhiều điều về thân thế sự nghiệp của người mà ông trân trọng gọi là: Nữ lưu xuất chúng Phan Thị Bạch Vân.

GÁI BIÊN HÒA VỀ XỨ GÒ CÔNG

Theo những tư liệu thu thập được, tên thật của bà Phan Thị Bạch Vân là Phan Thị Mai, sinh năm 1903 tại làng Bình Trước, tổng Phước Vĩnh Thượng, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Là con gái thứ 5 trong gia đình có đến 7 người con của một viên tri huyện thanh liêm, lại mất sớm, nên năm mới 17 tuổi Phan Thị Mai đã lấy chồng.

Cuộc hôn nhân sớm tan vỡ, do ông chồng giàu có đam mê tử sắc. Để vượt qua giai đoạn đầu đời trắc trở, cô gái trẻ Phan Thị Mai đã chọn ngòi bút để vượt lên chính mình. Một số bài văn nho nhỏ mang tâm tình phụ nữ xuất hiện đầu tiên trên tờ Đông Pháp thời báo và sau đó là Phụ nữ Tân văn.

Năm 1927, với bút danh Phan Thị Bạch Vân, cây bút nữ Phan Thị Mai bắt đầu gây chú ý với bạn đọc gần xa qua những bài viết có hơi hướng mạnh mẽ của “tinh thần phụ nữ” trên tờ Đông Pháp thời báo: *Phụ nữ Việt Nam ta thử lập vài cái học bổng, Gian nhà rách...* Đáng chú ý là bài thơ *Đồng bạc Tây và đồng bạc Pháp* có cấu tứ rất lạ, ẩn ý phê phán xã hội hiện đại với sự khuynh loát kim tiền.

Qua duyên văn chương, thế sự cây bút nữ Phan Thị Bạch Vân rất được ông Võ Đình Dân - chủ nhà thuốc gia truyền Cửu Long bổ thận hoàn (một thương hiệu y dược nổi tiếng ở miền Nam, ra đời từ năm 1921) đem lòng yêu mến. Năm 1928, hai người nên duyên chồng vợ và ông Dân đưa vợ về Gò Công quê mình sinh sống.

Như được chấp thêm đôi cánh, nữ sĩ Bạch Vân hoạt động mạnh mẽ hơn. Tại đây nhà 24-26 đường Chủ sự Thiệu (Trần Đình Thiệu) làng Thành Phố của tỉnh lỵ Gò Công, bà Bạch Vân

mở một tiệm sách - xuất bản lấy tên là Nữ lưu thư quán Gò Công. Tiệm sách đầu tiên trên đất Gò Công được bà Bạch Vân thông tin trên tờ Đông Pháp thời báo số 709, 1928 như sau: "Tôi đang trù liệu để dựng nên một cái thư quán ở Gò Công đề hiệu là: Nữ - lưu - thư - quán chuyên bán các thứ truyện sách, tạp chí hoặc xuất bản trong xứ hoặc ở bên Pháp gửi sang, không có phần hại cho đường tình thần của chị em bạn gái.

Vậy trong Tam Kỳ chư văn gia ai có xuất bản những sách hay truyện lạ đáng bổ ích cho tinh thần phụ nữ nước nhà, muốn được bán giúp thì hãy viết thư hoặc gửi nguyên bản đến thương lượng, những quyển nào thật hẵn có giá trị sẽ được mua nhiều và được tiêu thụ rất nhanh chóng trong Đông Pháp.

Nữ - lưu - thư - quán không bao giờ nhận những sách nhảm nhí để bán. Xin các ngài biết cho".

Vài bậc kỳ lão Gò Công xưa còn nhớ là Nữ lưu thư quán bán rất nhiều loại sách. Trong đó tiểu thuyết ái tình có *Hồng phấn tương tri*, tiểu thuyết xã hội có *Trần Minh Hà*, sách danh nhân thì có *Guơng nữ liệt*, *Lịch sử Gandhi...*, sách lịch sử có *Lịch sử Nam tiến của dân tộc ta*, *Mỹ quốc cách mạng sử...* cùng với các loại sách khoa học, triết học, chính trị... nhiều quyển sách rất đáng chú ý vào thời bấy giờ như: *Học thuyết lược khảo của Lương Khải Siêu*, *Học thuyết tiến hóa của Darwin*, *Học thuyết Montesquieu*, *Học thuyết Rousseau...* Nổi bật là sách dạy về đạo vợ chồng, chăm sóc sức khỏe thai sản, nuôi dạy con... Đặc biệt là có rất nhiều sách dành cho phụ nữ như: *Tân nữ học sinh*, *Phụ nữ tân giáo khoa*, *Nữ công thường dụng...*

NƠI RA ĐỜI NHỮNG TÁC PHẨM “NỮ QUYỀN”

Bán sách và báo chí tiến bộ chỉ mới là một mặt của Nữ lưu thư quán, nữ chủ Bạch Vân mới 25 tuổi còn là trợ bút cho Đông Pháp thời báo, phụ trách Phụ trang Phụ nữ và Nhi đồng... Và đặc biệt nhất là đứng ra làm chủ biên bộ sách *Tinh thần Phụ nữ* dài 1.500 trang được in thành nhiều tập theo tôn chỉ “để xem để đọc cho chị em, vừa vui miệng vừa mở trí”.

Trong Lời dẫn đầu của tập *Gương nữ liệt*, Phan Thị Bạch Vân viết: “Đương lúc nước mất dân tàn, trông mong vào những bậc trượng phu ra tay cứu chữa, mà cũng trông mong vào những trang nhi nữ ghé vai gánh lấy cái trách nhiệm chung; nước nào nam giới nữ giới đều có thì nước ấy hẳn không đến nỗi để cho người ngoài giày xéo. Chúng ta đọc truyện bà Roland nước Pháp, sao được không nhớ đến bà Trưng bà Triệu là những bà mẹ yêu quý của chúng ta, rồi lại nghĩ đến cái bốn phận, cái cảnh ngộ của chúng ta ngày nay mà ngậm ngùi đau đớn”.

Cuốn *Gương liệt nữ* do Nữ lưu thư quán xuất bản bị nhà cầm quyền Pháp đưa ngay vào danh sách cấm lưu hành. Phan Thị Bạch Vân liền mượn một “nữ hiệp nước Tàu” đặt tên là Thu Cận để truyền bá hình ảnh người phụ nữ mới: ý thức sự trỗi dậy của giới tính, dám làm việc lớn và dám chết cho lý tưởng. Đặc biệt là tác phẩm này còn khơi gợi ý thức tổ chức thành “hội đoàn”, làm kinh tế để duy trì sự nghiệp chính trị. Tập sách có tên *Giám hồ nữ hiệp* cũng do chính Bạch Vân sáng tác với những câu thoại rất “máu lửa” như: “Cách mạng có cứ gì con trai con gái”, “hai tiếng nô lệ ở trong thiên hạ này còn có dân tộc nào mà chịu mang không”... được lấy bút danh là Hoàng Thị Tuyết Hoa.

Đến tập 6 của bộ sách *Tinh thần Phụ nữ*, mặt bìa trong của sách có in “Cáo lỗi cùng chư độc giả”. Toàn văn như sau: “Bộ *Tinh thần Phụ nữ* từ nay xin đổi tên là sách *Nữ lưu* (Le livre des femmes) cho dễ hiểu cho cả thấy mọi người. Duyên cớ bởi đâu, nếu nói ra hết càng thêm đau đớn. Thôi nói nó là sách cho chị em bạn gái đọc, thì kêu nó là sách *Nữ lưu* cho xong. Xin chị em độc giả gần xa hãy hiểu cho như vậy, chúng tôi bây giờ chỉ có vắn tắt mấy lời, hẹn về sau sẽ còn khi thưa rõ”.

Tiếp liền theo đó, với bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa, nữ sĩ Bạch Vân cho ra đời cuốn cảnh thế tiểu thuyết có tên là *Nữ anh tài*. Nhân vật chính trong tiểu thuyết là Lê Tú Anh - một cô gái đời mới mạnh mẽ, bản lĩnh từ chuyện tình yêu, hôn nhân đến xử lý các mối quan hệ gia đình và năng lực quản lý kinh tế, trau dồi tri thức... đều rất tuyệt vời; xứng đáng là hình mẫu người phụ nữ hiện đại.

Cuối tiểu thuyết có ghi thêm đoạn: “Cùng chư độc giả yêu quý, bộ tiểu thuyết *Nữ anh tài* đến đây thì dứt. Tóm tắt câu chuyện về bộ ấy, thì toàn là chuyện về mặt phụ nữ với chức nghiệp. Vai chủ động ấy dầu là vì cảnh thế éo le, nhưng thế nào cũng chẳng quên cái phận sự của mình đối với quốc gia, sao cho đáng một bậc nữ lưu tân tiến... Con người có ái tình mà gặp cảnh thế xã hội bất ưng ý, rồi đem cái ái tình ấy mà làm tình yêu nước, tình yêu dân, thì ôi thôi, đáng khen biết bao, đáng kính biết bao....”. Kèm theo là mấy dòng tái bút: “Kỳ tới sẽ hiến cho các bạn độc giả bộ *Kiếp hoa thám sử*, tiểu thuyết về xã hội hiện thời. So với bộ *Nữ anh tài*, thì bộ này chuyên về một mặt khác, hành văn cũng tuân theo một lối khác, mời chư độc giả đón xem”.

Cũng sử dụng bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa, “xã hội tiểu thuyết” *Kiếp hoa tham sử* với nhân vật chính là Như Hoa trải qua tấn thảm kịch trong gia đình đã bỏ nhà ra đi tìm lẽ sống. Số phận lại đưa đẩy cô gái trẻ phải còn chứng kiến nhiều cảnh đời trái ngang, bi thảm hơn. Với dụng ý nghệ thuật của tác giả là xây dựng tinh thần phụ nữ trong lòng người đọc, đặc biệt là nữ giới, *Kiếp hoa tham sử* được trích đăng nhiều kỳ trên *Sách Nữ lưu* từ cuối năm 1928 kéo dài sang đến năm 1929.

NHỮNG BÀI BÁO... TÂM HUYẾT

Bên cạnh những cuốn tiểu thuyết “cảnh thế”, “xã hội”, cũng trong năm 1928, nữ lưu Phan Thị Bạch Vân còn cho ra mắt “đoản thiên tiểu thuyết” mang tên *Phụ nghĩa tào khang* và quyển biên khảo *Văn quốc ngữ “Nữ lưu”*.

Đặc biệt là loạt bài đăng trên *Đông Pháp thời báo* đã gây được tiếng vang trong giới trí thức và phụ nữ: *Nam Kỳ cần phải có trường nữ công, Trường thương mại cho Nữ lưu Việt Nam, Vài điều cần ích cho chị em bạn gái, Mưu trừ tuyệt nghề kéo xe, Kính gởi các nhà văn sĩ, Chị em ta nên vào hội khuyến học...*

Những bài báo này cho thấy bà Phan Thị Bạch Vân không những là một phụ nữ bản lĩnh mà còn có một tầm nhìn hơn người về việc phát triển khả năng làm kinh tế của phụ nữ dưới ảnh hưởng của nền công nghiệp xứ thuộc địa. Trong bài *Trường thương mại cho nữ lưu Việt Nam* bà viết: “Chợt nhớ nước ta buổi này việc tối cần là công, thương, kỹ nghệ, nền kinh tế tương lai có chắc vững hay không cũng do nơi ở môn ấy nên tưởng rằng đương thời bây giờ, xứ ta lại cũng cần phải có một trường thương mại và bút toán cho nữ lưu... Gái nghèo khi tốt nghiệp có thể ra giúp nhà buôn hoặc giúp chồng lập nhà thương mại. Nghèo không vốn, đi vay, trong mình có khiếu

buôn bán thì có sợ lỗ đâu”. Và bà cho rằng: Trường thương mãi còn có thể là... “nơi rèn đúc được nữ người tài mà hậu vận nước ta phải trông cậy vào đó hoài được”.

Nêu rõ quan điểm xây dựng nhân cách người nữ trí thức, bà Bạch Vân viết trong bài *Chị em ta nên vào hội khuyến học*: “Về học vấn, có thể nào mãi chân tắt cho phe nam, còn phụ nữ lại đành bỏ xuống. Hội khuyến học ta từ được thành hình đến giờ, xem lại toàn là hội viên nam, hội viên nữ thì không đâu có. Nghĩ thật đáng tiếc... Chị em đàn bà vô được đông rồi thì sẽ lập riêng một bang phụ nữ, chị em ta sẽ dùng sách vở báo chí ở hội mà chỉ bảo nhau những điều hay. Thỉnh thoảng chị em ta sẽ tập cuộc nói chuyện ở đô hội, tập diễn thuyết... Cãi cọ sẽ sanh lý tưởng hay chớ bấy lâu nay không thường hội hiệp nhau thì luận biện ở báo chương biết ai phải, ai quấy... sẵn hội khuyến học ta xin vào rồi lập toàn một phe riêng ta thi hành gấp các điều xưa nay ta mong muốn thì rất là cầu tiện vì không chi lo ngại, chị em ta nghĩ sao?”

Năm 1929, nữ sĩ Bạch Vân còn đưa ra những vấn đề táo bạo hơn trên tờ Phụ nữ Tân Văn: *Đàn bà cũng nên làm quốc sự, Phụ nữ có thể đạt tới chức vụ nào trong các kỳ tuyển cử?...*

Đáng chú ý, Nữ lưu thư quán Gò Công đã ấn hành quyển tiểu thuyết ái tình *Kim Tú Cầu* của nữ sĩ Đạm Phương (Công Nữ Đồng Canh, 1881-1947, con Hoàng Hóa quận vương Miên Thuận, cháu nội vua Minh Mạng) với nhân vật chính là con gái một vị quan trong triều đình phong kiến dám chống lại quan niệm thủ cựu “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” để tự định đoạt tình duyên và cuộc sống của mình.

Trên báo Phụ nữ Tân Văn số 5 – 1929 xuất hiện một bài viết của Phan Khôi với tựa đề: *Xét về sự sinh hoạt của phụ nữ*

nước ta đã cho rằng: “Mới vài ba năm nay, trong xã hội ta, nhứt là trong làng ngôn luận, có nức ra một danh từ mới mà nhiều người lấy làm chú ý, ấy là “vấn đề phụ nữ”.

Nhà giáo Phan Thanh Sắc lại cho rằng: “Sự hình thành một “tinh thần phụ nữ” có màu sắc riêng của thư quán Gò Công, nằm trong chuỗi hình thành tinh thần thời đại mà giới trí thức Việt Nam lúc bấy giờ đang nỗ lực xây dựng cách này hay cách khác, trong đó nổi lên hai vấn đề lớn là luân lý và quốc học.

Cần thấy tổ chức “thư quán” có sự gắn bó sâu sắc với các loại hình “hội”, “viện” như Hội Dục Anh, Nữ lưu học hội, Nữ công triển lãm hội trong thập kỷ XX. Các “hội”, “viện” như thế dường như bộc lộ tính chất hoạt động xã hội của phụ nữ lần mục tiêu canh tân của họ. Và tất nhiên, từng “hội”, “viện” như vậy đều có mục tiêu riêng.

Tinh thần quốc học bao gồm cả quốc văn, quốc sử và quốc túy. Việc giới thiệu sử truyện và học thuyết dân chủ, khoa học của người Pháp trong hoạt động của thư quán chứng tỏ người chủ nhiệm thư quán ý thức rất rõ con đường quốc sử và quốc túy thông qua quốc văn - dùng chữ quốc ngữ để dịch và giới thiệu các tư tưởng mới. Sự thu hút rất hiệu quả các cây bút sáng tác có tiếng lúc bấy giờ vào hoạt động chung của thư quán, cũng là một đóng góp lớn của Phan Thị Bạch Vân trong việc tạo ra một hiệu ứng tinh thần quốc học từ các cây bút nữ lưu Nam và Trung kỳ”.

Nhà giáo - kiêm nhà “Gò Công học” còn cho biết: “Từ tiếng chuông tinh thần trong Nữ giới chung của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh đến chất “linh dược” tinh thần trong hoạt động của Nữ lưu thư quán, chúng ta có thể hình dung được hệ thống xuyên suốt về hoạt động văn hóa văn học của nữ giới Nam Kỳ trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XX. Sương Nguyệt Anh cũng như Phan Thị Bạch Vân rất xứng đáng được xem là các nhân

vật chính kiến tạo nên dòng chảy thức tỉnh tinh thần cho người phụ nữ Nam Kỳ, với mục tiêu sống còn là ý thức về thân phận, giới tính và vận mệnh quốc gia.

Nữ lưu thư quán Gò Công nhìn chung là một mô hình hoạt động văn hóa với nhiều phương thức:

Kết hợp thương mại và học thuật.

Phát huy khả năng văn học và báo chí của giới nữ.

Xây dựng quan niệm mới về người nữ trong xã hội trí thức.

Đi thẳng vào tinh thần phụ nữ, qua đó góp phần xây dựng tinh thần thời đại.

Nữ lưu thư quán tồn tại chỉ trong vòng chưa đầy hai năm, nhưng đã tập hợp được một số tác giả tiến bộ và đã xuất bản nhiều tác phẩm văn học, khoa học, giáo dục có giá trị. Thư quán cũng góp phần truyền bá những tư tưởng dân chủ, tiến bộ, những kiến thức khoa học cho thanh niên, đặc biệt cho phụ nữ. Vào đầu thế kỷ XX, lúc bình quyền nam nữ còn được xem là một vấn đề mới mẻ, Phan Thị Bạch Vân đã bằng hành động và sáng tác của mình, chứng tỏ “nữ lưu” cũng có những thế mạnh của riêng mình, cũng có thể sánh vai với nam giới trong mọi lĩnh vực. Đó là điều rất đáng trân trọng của nhà văn nữ yêu nước, nhà hoạt động văn hóa còn chưa được đánh giá đúng mức”.

PHÁ RỐI BẰNG VĂN CHƯƠNG

Bị nhà cầm quyền Pháp buộc tội: “phá rối cuộc trị an trong xứ bằng văn chương tư tưởng”, ngày 10/2/1930 nữ lưu Phan Thị Bạch Vân bị đưa ra tòa đang lúc mang thai đứa con đầu lòng. Được quan tòa và một vị trạng sư rất có cảm tình với nữ sĩ Việt Nam thông minh và tài năng đã tìm cách biện hộ giúp cho bà thoát khỏi án tù.

Sinh con xong, bà Bạch Vân lại tiếp tục cầm bút và đầu tư tập trung vào bộ tiểu thuyết “ẩn tình xã hội Nam kỳ” dài đến 10 tập có tựa đề là *Lâm Kiều Loan*. Đây cũng là tên của nhân vật chính - một phụ nữ trẻ sống trong hoàn cảnh khắc nghiệt trong gia đình nhà chồng và bị chồng phụ rẫy, con chết bi thảm... Sau khi thoát ra khỏi cuộc hôn nhân bất hạnh, đi theo một người quen lên xứ Biên Hòa lập nghiệp; lại chứng kiến và trải qua bao khổ ải ở vùng đất đỏ rừng xanh; để sau cùng đã vững chãi đứng lên theo như “tinh thần phụ nữ” của chính nữ lưu kiệt xuất Phan Thị Bạch Vân.

Bộ tiểu thuyết *Lâm Kiều Loan* được in vào năm 1932 tại Imp, Trần Trọng Canh, Sài Gòn. Lúc này bà Bạch Vân đã cùng chồng về sống ở Sài Gòn, nơi người con trai ông Võ Đình Dần lập hãng Kol chuyên sản xuất kem đánh răng (crème dentifrice) với nhãn hiệu Perlon nổi tiếng.

Với sự nghiệp văn học Quốc ngữ khá dày dặn, với thành công đột phá của mô hình Nữ lưu thư quán Gò Công mở ra hướng chuyển động cho nền học thuật nước nhà qua tư tưởng cách tân táo bạo về nữ quyền, Phan Thị Bạch Vân đã khẳng định được vị thế của một nữ trí thức giàu nhiệt huyết và tài năng, rất hiếm hoi trong những năm 20 của thế kỷ XX.

Những năm cuối đời, bà Phan Thị Bạch Vân sống an nhàn hạnh phúc bên đàn con cháu đều thành đạt, dù hai mắt bà bị mù lòa. Ngày 2/8/1980, nữ lưu xuất chúng Phan Thị Bạch Vân qua đời tại Thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 77 tuổi. Hiện di cốt vị nữ lưu gốc Biên Hòa đặt tại chùa Giác Ngộ trên đường Nguyễn Chí Thanh, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Với hoài ức về Biên Hòa - Đồng Nai



Ông Trần Bạch Đằng.

Rất dễ bị coi là thấy người sang bắt quàng làm họ khi đưa một nhà văn hóa đa tài và tên tuổi lẫy lừng như Trần Bạch Đằng vào *Rạng rỡ tài danh đất Đồng Nai*, nhưng thực tế Biên Hòa - Đồng Nai có “vị trí” rất quan trọng trong cuộc đời của một nhân vật tài ba của miền Nam vào cuối thế kỷ XX.

Trong ký ức của mình, Trần Bạch Đằng tự nhận: “Tuy trong hai cuộc kháng chiến, tôi không làm việc trực tiếp ở Biên Hòa, song lúc nào tôi cũng định ninh mình liên quan chặt chẽ với mảnh đất này, mảnh đất đầy kỷ niệm ấu thơ, kỷ niệm vào đời. Mảnh đất Biên Hòa nâng tôi từ nhi đồng sinh tận vịnh Thái Lan lên thành một thiếu niên hiểu biết nhiều điều mà

trong thực tế, là hành trang chuẩn bị cho tôi vào đời ở nơi cần các hành trang tối thiết yếu đó: thành phố Sài Gòn.

Bài học vỡ lòng bao giờ cũng sống dai dẳng trong chúng ta, nó quyết định hướng đi cho cả cuộc đời. Biên Hòa giữ vai trò như vậy trong tôi. Tôi theo Đồng Nai, nước trong và ngọt, lặng lẽ hiền hòa nhưng đôi khi cũng nổi giận cực kỳ hung hãn, theo những đợt sóng và những cánh buồm, bênh bồng gần suốt đời khắp đất nước với kỷ niệm về những con người Biên Hòa không thể nào quên... Cho nên, không ngẫu nhiên, khi tập thơ đầu tay của tôi mang tên *Theo sóng Đồng Nai* và quyển tiểu thuyết đầu tay của tôi – *Chân dung một quân đốc* lấy bối cảnh chính ở Biên Hòa. Có thể nói đất Biên Hòa góp phần quan trọng vào quá trình hình thành tâm hồn và giác ngộ cách mạng trong tôi”.

Sinh năm 1926 tại Giồng Riềng, Rạch Giá (nay thuộc tỉnh Kiên Giang), Trần Bạch Đằng có tên thật là Trương Gia Triều nhưng từ nhỏ đã phải xài các tên họ khác nhau: Phạm Văn Hồ khi học đồng ấu, Tiệu khi học bậc sơ học... do mượn khai sinh của người khác, vì cha bị nhà cầm quyền thực dân Pháp kết tội “làm quốc sự” bị đày biệt xứ với quy định cho phép mang theo gia đình và chỉ được sống ở một tỉnh không quá 5 năm. Dòng dõi Trương Gia đều thuộc hàng quan lại nho gia với vị cố tổ từng là thầy dạy vua Minh Mạng, bà nội của Trần Bạch Đằng là Trịnh Thị Hoài Minh, quê Biên Hòa (cháu nội cụ Trịnh Hoài Đức - một trong Gia Định tam gia, tác giả *Gia Định thành thông chí*).

Tham gia cách mạng từ lúc còn học tiểu học, năm 1943, mới 17 tuổi Trần Bạch Đằng đã trở thành nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp. Trải qua hai cuộc kháng chiến, ông đảm

nhận nhiều nhiệm vụ quan trọng trong Thành ủy, Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đến Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương nên Trần Bạch Đằng tự nhận mình là “cán bộ chuyên nghiệp của Đảng” và dù từng làm chủ bút báo Nhân dân miền Nam và chủ nhiệm tạp chí Việt Xô, ông vẫn cho rằng: “Tôi chưa bao giờ tự coi mình là nhà báo chuyên nghiệp, tôi xem báo chí là trận địa mà tôi ưa thích, viết báo với tất cả hứng thú sẽ cùng đi với tôi cho đến khi tôi không còn viết được”.

Thế nhưng TS. Quách Thu Nguyệt, nguyên Tổng biên tập Nhà xuất bản Trẻ thì lại nói khác: “Với tư cách là người đọc, tôi không đồng ý với ông về nhận định này, bởi ông đã bỏ cả đời ra để làm báo, từ báo tường, báo nói, báo viết, từ thuở báo chí kháng chiến còn sơ khai đến báo chí phát triển sau này. Trong kháng chiến, ông là một trong những người đầu tiên gây dựng, lãnh đạo và thực hiện nhiều việc liên quan đến báo chí. Thời hòa bình, ông là một trong những người viết báo khỏe nhất. Có thể thấy đều đặn trên các tờ báo từ trung ương đến địa phương: Nhân dân, Lao động, Sài Gòn giải phóng, Thanh niên, Tuổi trẻ, Phụ nữ, Công an... Ông viết khỏe hơn thanh niên, viết báo với một phong cách khoa học, có lịch làm việc đều đặn mà mọi người phải nể phục. Những bài viết của ông luôn có những phát hiện khơi gợi mới mẻ gây sự hứng thú, thu hút, lôi cuốn, gợi lên nhiều điều suy ngẫm nơi người đọc. Phải nói ông là một nhà báo chuyên nghiệp, làm báo không chỉ bằng trí tuệ mà còn bằng tấm lòng và bằng con tim thao thức với nhịp sống của nhân sinh và thời đại”.

Cây bút độc đáo Trần Bạch Đằng còn tạo ra một hiện tượng viết bài báo xuân, báo Tết trong làng báo Việt Nam. Với cái lệ làm tờ báo Tết cho mỗi năm mới đều phải thật hoành

tráng về hình thức, nội dung bài vở được đầu tư, chăm chút công phu; nhất là phải khơi gợi được vấn đề, ý tưởng mới, tích cực, lạc quan, mà Trần Bạch Đằng là người sở trường về việc viết loại bài mang tính dự báo này nhất, nên các tờ báo lớn, có uy tín đều đặt bài Trần Bạch Đằng. Nhiều năm liền, mỗi dịp xuân về, bài viết của nhà cách mạng lão thành đã ở tuổi thất thập, rồi bát thập Trần Bạch Đằng xuất hiện trên vài mươi tờ báo Tết từ trung ương đến địa phương lẫn nội san của các ban ngành đoàn thể. Hình như ai đặt bài, không hề phân biệt báo lớn báo nhỏ, ông Trần Bạch Đằng đều nhận lời và viết rất chín chu, nghiêm túc, nói ra đúng vấn đề mà ngành hay địa phương đó đang quan tâm. Đặc biệt, ông giao bài rất đúng hẹn, tòa soạn cứ vậy mà đăng nguyên văn, không cần phải biên tập hoặc sửa chữa một cái dấu phết.

Báo Đồng Nai từng khai thác rất sớm lợi thế “người nhà” và tết năm nào cũng được nhà báo Trần Bạch Đằng ưu ái viết bài cộng tác. Có năm người của báo đi đặt bài mang theo quà quê hương là bưởi Tân Triều mua nhằm loại dỏ, chú Tư Ánh (tên thường gọi của ông Trần Bạch Đằng) “chơi” ngay trong bài báo tết làm nhà báo quê độ, còn bạn đọc xứ bưởi thì “ê càng”, thấm thía.

Hiện tượng báo xuân phải có bài của Trần Bạch Đằng mới ăn khách đã cho thấy ông là một cây bút rất uy tín. Và bút lực Trần Bạch Đằng quả là đáng nể. Nhiều nhà báo tên tuổi, đang sung sức, mỗi cái tết có đăng 2-3 bài đã được xem là giỏi.

Viết lời bạt cho tập sách *Kể sĩ Gia Định* gồm 66 bài chính luận của Trần Bạch Đằng, nhà nghiên cứu văn hóa Mai Quốc Liên của Trung tâm nghiên cứu Quốc học còn cho biết: bài phát biểu của ông về “Trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước,

đồng chí Trần Bạch Đằng là Bí thư Khu ủy Sài Gòn – Gia Định và là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hậu phương lớn miền Bắc lúc ấy xúc động tận lòng mỗi khi nghe một chiến công, một bài hát, một bài văn hay một tên người vọng ra từ cuộc chiến đấu anh hùng, quyết liệt, có một không hai trong lịch sử. Trần Bạch Đằng là một trong những cái tên như thế, một cái tên được yêu thương và kính trọng... Điều đáng nói là con người ấy còn là một nhà văn, một nhà thơ và một nhà chính luận. Những bài văn chính luận của ông viết từ máu lửa chiến trường, mang một hơi văn lôi cuốn lòng người. Phải trở về 30 năm trước (tính theo thời điểm năm 2001), trong không khí cuộc đấu tranh của nhân dân Sài Gòn, nhân dân miền Nam để hiểu và yêu những bài văn ấy. Sau này và cho đến tận bây giờ, Trần Bạch Đằng vẫn giữ nguyên được cái chất văn sôi nổi, thông minh, phong phú chất liệu và ý tưởng đó. Ông là người lịch duyệt nhiều, từng trải lắm mà lại có một lòng ưu ái không nguôi với cuộc sống, tất cả những cái đó quyện lại trong một văn phong đặc thù cho văn chính luận của thời chúng ta. Thời chúng ta là thời phát triển và hoàn thiện văn chính luận khởi đi từ Nguyễn Trãi và được hiện đại hóa vào những năm đầu thế kỷ XX. Đó là một thể văn quan trọng, không thể thiếu mặt trong cuộc sống, và Trần Bạch Đằng là người thấu triệt cái “đặc trưng thể loại” nói theo thuật ngữ thi pháp học hiện đại. Đọc văn ông, người ta bắt gặp cuộc sống, cách nhìn, cách lý giải thông tuệ. Mặc dầu chiến tranh, công việc bận rộn, ông luôn luôn là người coi trọng học vấn và có thể xem là một học giả của miền Nam, của cả nước. Chẳng phải ngẫu nhiên mà ở Hội nghị Quốc tế về Việt Nam học tháng 6 năm 1998 qua tại Hà Nội Việt Nam học được hoan nghênh đến thế. Ông tham gia chỉ đạo Từ điển Bách khoa

Việt Nam, lãnh đạo Hội đồng khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, chủ biên một số công trình khoa học, trong đó có công trình *Lịch sử Việt Nam* và *Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh...*”.

Trong thể loại du ký còn khá mới mẻ, Trần Bạch Đằng cũng sớm tỏ ra là cây bút xuất sắc. Qua hơn 20 năm với nhiều chuyến đi viếng thăm ngoại giao, trao đổi văn hóa, học thuật... ngòi bút Trần Bạch Đằng đã khắc họa được một cách tài tình lịch sử hình thành, ấn tượng xã hội cùng cảnh sắc đa dạng của hàng loạt quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà ông đã đặt chân đến. Trong đó có những nơi như Nicaragua, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Hồng Kông, Macau, Canada, Kiribati, Australia, Mỹ... thật sống động và ngập tràn cảm xúc.



Ông Trần Bạch Đằng tại Hội thảo Quốc tế Việt Nam học ở Hà Nội năm 1998.

Không chỉ nổi trội trong báo giới và là người chủ biên nhiều công trình nghiên cứu văn hóa, lịch sử, xã hội, viết lời giới thiệu cho những tác phẩm, tác giả ở miền Nam thời tạm chiếm, miền Bắc xã hội chủ nghĩa mà nói như TS. Quách Thu Nguyệt “một con người có tâm trong sáng, tấm lòng bao dung; đặc biệt có sức quy tụ tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp trí thức (và văn nghệ sĩ) với nhiều nguồn gốc xuất thân và lịch sử chính trị khác nhau”.

Đặc biệt hơn, Trần Bạch Đằng còn có một gia tài khá đồ sộ trong lĩnh vực thơ ca, tiểu thuyết, kịch nghệ... Với bút danh Nguyễn Trương Thiên Lý, nhà văn Trần Bạch Đằng đã từng làm say mê cho đông đảo bạn đọc qua tiểu thuyết tư liệu lịch sử cận hiện đại pha màu sắc tình báo *Ván bài lật ngửa* và cuốn hút vào những trần trở, suy tư với những truyện ngắn, truyện vừa: *Ngày về của ngoại, Chân dung quân đốc, Ông Hai củ, Bác Sáu Rồng...* Với bút danh Hưởng Triều, nhà thơ Trần Bạch Đằng lay động lòng người đọc qua các thi phẩm: *Bài ca khởi nghĩa, Hành trình, Theo sóng Đồng Nai, Đất nước lại vào xuân, Những cái tên đồng bằng, Tuyển tập Hưởng Triều*. Ngoài *Ván bài lật ngửa* và *Ông Hai Củ* được viết thành kịch bản phim, Trần Bạch Đằng còn sáng tác 4 vở kịch gây chú ý công chúng hâm mộ nghệ thuật: *Nửa tuần trăng kỳ lạ, Tình yêu và lời đáp, Một mùa hè oi ả, Một mối tình*.

Trở lại với “đất Biên Hòa- nơi góp phần quan trọng vào quá trình hình thành tâm hồn và giác ngộ cách mạng trong tôi” tác giả Trần Bạch Đằng có những hồi ức sống động về những sự kiện, con người và những địa danh nổi tiếng một thời mà dân Biên Hòa - Đồng Nai cố cựu từng biết, từng nghe nhưng không mấy ai nhớ rõ.

Theo ký ức Trần Bạch Đằng, năm 1931 hết hạn lưu trú ở Rạch Giá, cha ông phải dắt vợ và đàn con đến tỉnh khác theo quy định của nhà cầm quyền thực dân. Lúc đó Trương Gia Triều mới vừa lên năm. Gia đình đi đày biệt xứ đến Biên Hòa bằng xe lửa. Xuống ga Biên Hòa, Triều được mẹ cho ngồi trong một đầu gióng để gánh đi. Đầu gióng bên kia là toàn bộ gia tài của họ gồm chiếc rương mây bung niềng, mùng chiếu, nồi ơ, chén bát, sách vở của người cha. Họ đi bộ theo đường đá (nay là đường Hưng Đạo Vương tiếp giáp đường Phan Đình Phùng), leo qua một cái dốc gọi là dốc Cô Hồn (còn gọi là dốc Sỏi, nay thuộc phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa) đi về hướng Bửu Long. Thời đó, đoạn quốc lộ 1K mang tên đường Nguyễn Ái Quốc ngày nay xuyên giữa một bên là sở cao su, một bên là sân bay. Đến xóm Lò Gạch thuộc làng Bửu Long (tổng Phước Vinh Trung, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai) gia đình Triều xin vào một ngôi chùa nhỏ tá túc. Theo lời Trần Bạch Đằng: “Gọi là chùa, nhưng gian nhà trên kê bàn thờ Phật với một ông Phật đất nung cùng chuông, mõ; các gian còn lại giống như mọi nhà khác, chúng tôi được ngăn một gian phía sau vừa vận chiếc giường. Còn chủ chùa là một ông thầy cúng từ đâu đó xiêu dạt tới, lấy vợ sinh con và hành nghề tụng kinh cho các đám ma, đám kỵ kèm luôn nghề bán nhang. Ba mẹ tôi làm mướn cho chủ chùa. Công việc không nhẹ nhàng, hàng ngày hai người phải thay nhau dùng chân cật lực kéo đẩy một dao cầu bằng sắt trên một chiếc thuyền tán cũng bằng sắt, nghiền nát những thối trảm và mạt cưa để cho ra bột nhang”.

Ông còn nhớ: “Đời sống chúng tôi vất vả. Tôi cảm thụ cái đó qua bữa cơm, thường tôi ăn chưa no. Cũng may quanh vùng nhiều mít, dái mít chấm muối kể ra cũng đỡ ngật... Chùa nhỏ

ngó ra sông Đồng Nai. Trước mặt, chòm cây sao bên kia sông y hình con rùa nên gọi là Cù lao Rùa... Tôi thích ngày ngày trằm mình dưới sông. Sông Đồng Nai nước ngọt và trong nhưng ít cá. Họa hoằn tôi mới bắt được một con cá bống dừa”.

Tá túc trong chùa được một thời gian thì gia đình Triều được bà Sáu Thiếp nhà ở gần đó “cắm cảnh khổ của chúng tôi đồng thời phục ba tôi là “người làm quốc sự”, bà bảo gia đình tôi dọn về nhà bà, một ngôi nhà ngói ba căn hai chái, nền đúc, có vẽ gia tài của cha ông để lại cho bà. Không rõ bà Sáu Thiếp là tên của bà hay của chồng - chồng chết, bà ở với vợ chồng người cháu sống bằng nghề chở đá... Về chỗ mới, mẹ tôi in ngói mướn. In ngói tức là nhồi đất sét, ôm cục đất khá nặng đập vào cái khuôn gỗ đã rải một lớp tro, dùng chân đạp tén các mí đất, dùng cần cung dây thép cắt đất, trút viên ngói ra sân. Mẹ tôi bắt đầu in khi mặt trời lặn và độ chừng 9-10 giờ đêm thì xong phần khoán, lối 200 viên. Bà lại tranh thủ nấu một nồi xôi để sáng hôm sau gánh đi bán. Từ đó, người trong làng gọi mẹ tôi là bà Ba Xôi và tôi là con bà Ba Xôi. Ba tôi làm một nghề “trí thức” hơn: viết liễn. Ông có hoa tay và viết đại tự rất đẹp. Tôi vẫn nhớ bà Sáu Thiếp: chiếc áo lụa đen, ngồi cạnh quả trầu màu đỏ chói, nghe đọc tờ *Công luận* và chửi Võ Hà Thanh. Làng lính sợ bà. Vì sao họ sợ, lúc đó tôi không hiểu. Sau này tôi hiểu: chồng bà, ông Sáu Thiếp, bị Võ Hà Thanh bắt, Pháp đày sang Nam Mỹ, chết ở đó”.

Nhiều cư dân lớn tuổi ở Biên Hòa hay trong sách báo, các tư liệu lịch sử thường hay nhắc đến trận lụt năm Thìn (1952) trên sông Đồng Nai; riêng Trần Bạch Đằng còn “trải nghiệm” cả trận lụt trước đó vào tháng 10 năm 1933: “Tôi đang ngủ say thì ba mẹ tôi dựng dậy. Lạ quá, cái sân phơi gạch ngói buổi chiều

còn khô ráo bỗng lênh láng nước, nước trào lên khỏi thêm nhà bà Sáu. Cặp bò của cháu bà Sáu có lẽ cũng ngơ ngác như tôi trên bộ ván giữa nhà. Mưa tuôn như xối. Trống mõ, đèn đóm nổi lên khắp làng. Sáng ra, ngó sang Cù lao Rùa, chòm cây sao còn cái tàn. Nước tiếp tục dâng. Sông Đồng Nai nước chảy thật xiết, cuốn theo đủ thứ: cây cổ thụ trên rừng già, túp lều, thậm chí cả con nai chết đuối chĩa gạc lên trời. Trong nhà bà Sáu, mọi người hối hả kê giàn, cày trưa, giàn càng cao, sau cùng, phải trổ nóc nhà. Ghe cấp cứu đưa tất cả vào núi. Ở núi, cao ráo, không sợ nước. Nhưng chẳng có gì ăn. May quá, tin lan thật nhanh: cô Mười phát chẩn. Cô Mười là con gái út đốc phủ Võ Hà Thanh; không ai không biết tiếng ông đốc phủ. Cả làng kỵ chữ Thanh, phải gọi là Thịnh. Có lần, tôi đi xem hát, tuồng *Ngũ hổ bình tây*. Kép đóng vai Địch Thanh xưng tên, quên kỵ húy, cả gánh hát phải quỳ lạy ông ta xin tha tội. Con lớn của ông là Cai tổng Phước Vinh Trung, trai thứ hai là Hội đồng quản hạt, con thứ sáu là Hương cả làng Bửu Long. Nghe đồn cô Mười phải lòng “sếp phơ” (tài xế) của ông phủ, hai người ăn ở, cô Mười có thai. Ông phủ bắt anh “sếp phơ” bỏ tù. Cô Mười nhảy xuống cầu Gành tự vận. Có người vớt cô lên, ông phủ sợ báo chí làm rùm măt danh giá, cho phép hai người thành vợ thành chồng, nhưng không được làm đám cưới. Cô Mười van vái sao đó, nên nay phát chẩn tạ ơn Trời Phật. Tôi xếp hàng lãnh theo qui định: mỗi người một lít gạo, hai trứng vịt, lãnh mỗi ngày, đến hết lụt thì thôi”.

Ông Trần Bạch Đằng nhớ lại: Lụt ngót một tuần nước mới rút, nhà bà Sáu Thiếp bị sập, lò gạch hư hỏng nặng phải sửa chữa và không một ai nhờ viết liễn, mọi chuyện trông cậy vào gánh xôi của bà Ba. Nhưng ngặt là không còn nơi nương tựa. Thời may trong xóm, Triều có mấy thằng bạn cùng trang lứa,

trong đó có Hổ thấy tình cảnh ngặt nghèo của bạn liền xin cha là ông Bảy Sa cho gia đình Triều đến ở chung. Nhà ông Bảy cũng bị nước cuốn, nhưng nhờ có sẵn cây lá, nên nước vừa rút là ông dựng lại ngay. Ông chia nhà làm hai, mỗi gia đình ở một nửa. Ba của Triều không dám nhận, liền bị ông Bảy rầy. Thế là gia đình Triều có nơi ở mới. Nhà ông Bảy cũng nghèo, bữa cơm thường chỉ có mắm nêm, rau luộc, nhưng thấy gia đình Triều chưa có việc làm, ông “bắt” mọi người cùng ăn chung với ông. “Từ đó, Hổ và tôi ngủ chung một bộ ván. Chúng tôi lội sông sang Cù lao Rùa, tối tối leo vách xem hát trộm, tụ tập một bọn nhỏ chui vào lò gạch hoang vẽ mặt bằng lọ nghe, lấy lá chuối làm râu, diễn đủ các tuồng! Mỗi khi thấy có cây rừng trôi theo sông, Hổ và tôi lôi vào. Mẹ tôi bửa các khúc cây đó, gánh xuống chợ đổi gạo. Bác Bảy Sa - quần lơ vừa phủ gối, lưng vận áo túi, búi tóc không lớn hơn quả ổi, dắt một lông nhím nhọn lều, thuở trai tráng là thợ sơn tràng, về già đục đá nuôi vợ nuôi con, nói câu nào y như khắc vào đá câu đó... Bác Bảy gái thật hiền, mỗi khi Hổ và tôi gây lộn, bất cứ kể lỗi phải về đứa nào, bác đều rầy Hổ. Bác một mực nhỏ nhẹ với bất kỳ ai, rầy con như trò chuyện. Tôi vẫn nhớ thằng Hổ, lắm lì, hễ làm việc gì thì quyết làm, cần răng làm, kể cả những việc quá sức, chia sẻ với bạn tất cả... Tôi biết đọc biết viết chữ quốc ngữ, biết đọc chữ nho. Hổ còn dốt. Bác Bảy nhờ tôi dạy cậu ta. Hổ tối dạ, cả tháng mà chưa thuộc hết bảng chữ cái. Hễ người lớn không để ý, cậu ta lôi tôi tới quán bà Ba Hượt, tôi đọc truyện Tàu cho bà nghe, nó nhổ tóc ngứa, lấy “thù lao” mấy cục kẹo... Tôi vẫn nhớ dân Bửu Long, những người in gạch ngói mướn, những người đục đá - nghèo, nghèo cạnh gia đình Võ Hà Thanh giàu, rất giàu... Tôi vẫn nhớ bà Ba Hượt, nghe đoạn truyện nào người ngay mắc nạn thì rưng rưng nước mắt, mắng bọn nịnh, khen vua trung, hớn hờ khi thái tử Lý Đán tái ngộ với Phụng Kiều”.

Nhà văn hóa lớn Trần Bạch Đằng từng viết: “Nhớ Biên Hòa nhiều thứ lắm!”. Ông cho rằng: “Nếu tính theo thời gian, tôi sống ở Biên Hòa không lâu so với tuổi đời của tôi – lối mười năm. Và mười năm khi tôi là chú bé ngồi trên chiếc gióng của mẹ để giáp mặt với dòng Đồng Nai cho đến khi tôi hiểu đôi điều về cách mạng trong lứa tuổi học sinh. Thế nhưng, Biên Hòa lại sống trong tôi dai dẳng”.

Đọc những trang viết của Trần Bạch Đằng về Biên Hòa – Đồng Nai mới thấy những hình ảnh về vùng đất - con người nơi đây không những được khắc ghi dai dẳng mà còn rất sâu đậm trong trí nhớ của ông - một người tuổi quá “cổ lai hy” từng vượt qua bao gian khổ, tù ngục, chiến trường. Đó là dòng Đồng Nai “con sông nước ngọt, cuộn cuộn chảy, từ ngọn nguồn tận cao nguyên Lâm Đồng, nhân hai chi lưu bên tả và bên hữu; sông La Ngà và Sông Bé; vượt những thác đứng đổ tung trắng xóa. Bấy giờ Trị An còn gọi là Hàn - Hàn Trị An... Mùa nước nổi, con sông trở nên hung dữ, chảy xiết, cuốn theo nó những cổ thụ trên rừng già. Mùa nắng, những cánh buồm bằng lá trăn trắng nổi căng gió xuôi Tam Hiệp, Chợ Đồn, ngược Tân Uyên, Tân Định... Đồng Nai ít cá tôm nhưng đêm vẫn có thuyền câu, đèn hắt vàng đỏ, kiên trì thức với sao khuya. Họa hoằn chúng tôi mới bắt gặp một tàu chạy bằng động cơ hơi nước, rúc còi kêu hãnh và lũ trẻ chúng tôi chạy dọc theo bờ, hò hét chào mừng”. Đó là “núi Bửu Long, chia hai chóp, một là công trường khai thác đá, luôn luôn vang tiếng nổ long lở, thế mà vẫn có một cái am dưới tán một cổ thụ, nơi tu của một “cậu” - chẳng rõ là “cậu” gì; một là ngôi chùa mang bảng hiệu “Bửu Phong cổ tự” với chiếc đại hồng chung ngân dài vào buổi chiều tà và hai hòn đá lớn- Hàm Rồng, Hàm Cọp. Hàng năm, chùa mở hội vào rằm thượng ngươn, có “xô giàn”- các tháp sườn tre phát giấy,

đính nhiều loại bánh, từ trên giàn cao người ta xô xuống cho trẻ em tranh giành. Đôi khi có cả “giựt giàn” - vài con heo quay đặt trên giàn và đây là dịp các nhóm “anh chị” ra oai: nhóm nào mạnh, gan dạ, dao bén, giỏi võ... chiếm con heo, mang về “sào huyết” ăn nhậu! Cũng đã xảy ra đổ máu – không vì con heo quay mà vì “danh dự” của nhóm”.

Ông Trần Bạch Đằng còn nhớ rõ: “Biên Hòa, đất của “lò”: lò gạch, lò đúc lưỡi cày (gọi là lò “thổi”), lò rèn, lò đường khá nhiều... với các đám mía, đậu phộng, dưa hấu... Còn hồi đó, chúng tôi chỉ khoái xin khúc mía nhúng vào chảo đường chưa tới chữ, nhấm nháp thứ mạch nha dẻo ngọt cực kỳ! Hoặc, buổi trưa, lén vào giữa đám mía, chọn cây mềm và to nhất, thứ giải khát tuyệt vời. Đậu phộng luộc, dưa hấu – chúng tôi được “chiêu đãi” nếu trên đường từ trường về nhà, bỏ cặp bên lề, xuống cùng bà con thu hoạch. Biên Hòa, vào thời buổi đó, còn nhiều trái rừng: gùi, mua, sim và khi sa mưa, nắm mối, nắm dẻ có khi vì chúng, chúng tôi bỏ buổi học. Biên Hòa có bưởi Tân Triều, có bắp non. Và Biên Hòa là vùng cao su: vỏ trái cao su chum bén lửa, lượm hột cao su hoặc thu mủ cao su rơi vãi gọi là “mủ đất” cũng giúp bọn chúng tôi vài xu ăn kẹo. Cây điều mọc khắp nơi, trái như một thứ rau chấm nước cá kho, hột thì thui ăn béo ngậy, béo chỉ kém hột cây. Hột điều đồng thời là một thứ “bản vị” đánh trống, thảy lỗ, mổ dao tường... ăn hột điều thay cho tiền”.

Có lẽ, còn một ấn tượng khó quên của Trần Bạch Đằng về thời thơ ấu ở Biên Hòa là chuyện đi học. Ông kể: “Niên học 1934-1935 ông Bảy Sa lấy giấy khai sanh của Hồ cho tôi mượn để vào học lớp đồng ấu ở trường Tân Phong. Một hôm vào giờ ra chơi, tôi đang cầm cái “yoyo” biểu diễn thì thằng bạn cùng

lớp giật cái yoyo và từ trên thêm nó vụt mạnh vào đầu tôi. Tức mình tôi giựt lại và vụt mạnh vào trán nó. Đầu tôi u một cục nhưng được tóc che, còn trán thẳng bạn thì một cục bầm to tướng. Điều nguy hiểm cho tôi, thằng này là con của thầy giáo: thầy Giá, tuy mặc âu phục trắng song đi dạy bằng chiếc xe song mã, tự thầy cầm cương... Thầy chẳng hỏi chẳng rằng, khi tôi ngồi vào bàn, hăm hăm xông tới, thẳng cánh tát tôi. Để tự vệ, tôi thụp tránh, thầy tát trật tôi nhưng lại trúng bình mực, mực nhuộm lem bộ quần áo tây của thầy. Càng nổi nóng hơn, thầy chụp cây thước báng và tôi khôn vong, co giò phóng ra khỏi trường, phóng một mạch về nhà. Tôi bị đuổi. Tên Phạm Văn Hồ không còn được học trường Tân Phong nữa”.

Trần Bạch Đằng kể tiếp: “Ba tôi “chuộc” khai sanh cho tôi. Một tên Tiệu chết trẻ không khai tử, lứa tuổi mà cũng trùng họ với tôi được gán cho tôi và tôi mang tên đó cho đến hết bậc sơ học. Lúc đầu, tôi học trường Cây Đào”.

Trò Tiệu vừa học hết lớp dự bị ở trường Cây Đào thì bị thầy giáo Giá trường Tân Phong phát hiện và tố giác. Trần Bạch Đằng lại bị trường Cây Đào đuổi học với lý do: khai sanh giả. Nhất quyết không để con thất học, cha của Trương Gia Triều thân hành đến gặp Đốc học L., Hiệu trưởng trường Bình Hòa (dân địa phương quen gọi là trường Bến Cá, nay địa bàn trường thuộc xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu). Nể phục một người làm quốc sự bị đày biệt xứ, ông hiệu trưởng dũng cảm chấp thuận. “Như vậy từ lớp ba đến lớp nhất, tôi học trường Bến Cá.”

Cũng theo hồi ức của Trần Bạch Đằng, sau hơn một năm ở chung nhà ông Bảy Sa ở làng Bửu Long, gia đình Triều được một người bạn của cha Triều đưa về làng Bình Ý (thời đó làng Bình Ý thuộc tổng Phước Vinh Hạ, quận Tân Uyên, tỉnh Biên

Hòa nay là ấp Bình Ý thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai). “Gia đình tôi ở tạm trong vương tre rộng của ông Trần Quang Nghiêm thương người ta gọi là “vườn quít Trường tòa Nghiêm”. Ông quê Tân An, thuộc một gia đình danh tiếng, một trong những người sáng lập ra phái đạo Cao Đài Cầu Kho-phái “cách tân” của nhóm trí thức chống lại phái “địa chủ quan lại” đóng trụ sở ở Tây Ninh... Xin nói thêm: ông Nghiêm từng giúp Bác Hồ xuống tàu đi Pháp 1911, từng giúp đồng chí Trần Huy Liệu, Trần Văn Giàu... Ông Nghiêm là bạn của cha tôi, mối quan hệ có từ phong trào Đông Du hay Thiên địa Hội... Tủ sách nhà ông Nghiêm đối với tuổi học trò của tôi, bây giờ nhớ lại, thật trân quý. Các quyển sử, dã sử, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam chiếm một tỷ lệ lớn trong tủ sách, cộng với các sách “cấm”, sách dịch văn học nước ngoài, các tạp chí cũ đóng thành tập, các loại thơ văn... Tóm lại, là một tủ sách phong phú lúc bấy giờ”.

Tỏ ra thích thú với cao su, Trần Bạch Đằng cho biết ông Nghiêm còn có một vườn cao su 8 lô nằm trên đầu dốc con lộ đá (nay không còn do Mỹ mở rộng vành đai sân bay quân sự Biên Hòa), gọi là “sở Trường tòa Nghiêm” chứa chấp những người “làm quốc sự” bị Pháp truy nã. Những phu cao su không có giấy thuế thân này kể chuyện, dạy trò Triều đọc sách, báo và “thường chia một phần mớ cơm nhồi nhuyễn với mắm nục, dưa gang muối, kèm chuối xanh hoang, đọt ngành ngạch...” ngon thấu trời, mà sau này đi khắp năm châu bốn biển ông vẫn không thể nào quên.

Được một thời gian, một người bà con của cha Triều chủ một sở cao su nhỏ, mới trồng ở Tân Phú (nay là ấp Tân Phú, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu) rước cả gia đình Triều lên

sinh sống. Làng Tân Phú nằm cạnh bờ sông Đồng Nai, thời đó còn hoang vu. Trần Bạch Đằng nhớ lại: “Dựng ngôi nhà trong vách đất cheo leo trên đỉnh gò làng Tân Phú, cạnh rừng sâu mà đêm tôi rờn rợn tiếng cộp gấm, men con đường nhiều đồi dốc dẫn đến thác Trị An. Mẹ tôi cất rẫy trồng dưa, trồng đậu. Giữa những lần thu hoạch, ngày ngày bà oằn lưng dưới gánh củi, lội bộ hai cây số ra chợ Cây Đào đổi gạo. Cha tôi lo chăm sóc cao su. Hàng ngày, tôi đánh bạn với các cây cao su non. Quanh vùng, nhiều sở cao su lớn trải dài lên Rạch Đông, Trị An như sở Trần Kim Ký, Khuư Hòa. Thỉnh thoảng, tôi đến các sở và được các anh chị dạy cho cách cạo mủ: cạo sao vừa chạm vỏ lụa, không gây thương tích cho cây cao su (hễ cạo phạm thì cây cao su nổi u, phải đục bỏ khối u và bôi dầu hắc). Hồi đó, cạo bằng dao quắm, kéo xuống, không giống sau này cạo bằng dao bằng, đẩy lên. Tuy đi học xa- trường tôi học tận Bến Cá, sát cù lao Tân Triều, cách nhà trên dưới 5km, những ngày chủ nhật tôi vẫn lang thang với công nhân cạo mủ. Đi học mỗi ngày tôi đều mang theo mo cơm nhồi của mẹ, bữa ăn trưa của tôi. Thường, chúng tôi đi thành bộ ba: Quảng (Nam Phòng), Huệ và tôi. Con đường đá rợp bóng sao cao vút, trước khi đến ngã ba Bình Ý thì có một lối mòn băng tắt qua cái Gò - rừng chồi, mả lạng, nơi người ta thả dê ăn. Tại “tam kỳ lộ” đó, Đảng bộ cộng sản vùng Phước Vinh Hạ dựng một giàn cao, treo băng cờ. Các cuộc mittinh diễn ra tại đây khá thường, khi thì người tại chỗ nói, khi thì rước các anh dưới Sài Gòn lên. Dân chúng đứng nghe chật cả gò... Trong ký ức, cái hiện lên rõ, dù đã gần nửa thế kỷ qua, là những buổi diễn thuyết của các chiến sĩ đệ tam quốc tế tại Gò Dê”.

Trần Bạch Đằng còn nhớ: “Tôi học lớp nhất, Khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ. Pháo trào vùng Phước Vinh Hạ không

manh, tuy cũng trống mõ, cũng cướp nhà làng Tân Phú, Thiện Tân trong đêm. Mấy hôm sau làng lính kéo về khùng bố... Tôi đã tham gia hoạt động, theo mức tuổi của tôi... tôi được anh Năm Khoa, Ba Sách giới thiệu với anh Lũy (Huỳnh Văn Lũy, Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa lâm thời), Ba Thuận (Phạm Văn Thuận, Trưởng ty công an, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa)... những cán bộ của phong trào Biên Hòa ngay lúc tôi còn đi học. Sau khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, một số “chính trị phạm” lẩn quất trong vùng, đêm “lót ổ” ngủ giữa rừng, ngày đi trồng cao su hoặc cạo mủ, hễ thấy dạng làng lính thì “đồng” (nhanh chóng vọt mất). Trong số đó, tôi thân hai người: Năm Sách và Tư Khoa. Cả hai quê Củ Chi, Hóc Môn song dời lên Tân Phú từ lâu, thành viên tích cực của cuộc khởi nghĩa. Nhờ họ tôi hiểu thêm nhiều điều về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng... dĩ nhiên, ở mức mà tuổi học sinh của tôi tiếp thu được. Tư Khoa học khá, có bằng Tú tài, dạy tôi thêm các kiến thức khác. Tôi giúp các anh công việc cũng đơn giản: thỉnh thoảng chuyển thư của họ xuống Sài Gòn. Sau này, nghĩa là khi tôi chính thức được xem như cơ sở, tôi biết họ tìm liên lạc với đầu não. Một trong những điểm mà tôi móc là tiệm giày Tín Mỹ, số 93 đường Georges Guynemer, Chợ cũ Sài Gòn, sau đổi ra Võ Di Nguy (nay là Hồ Tùng Mậu). Người tôi gặp là một thợ giày người Bắc, gọi là anh Hồng. Anh Hồng chính là đồng chí Nguyễn Oanh, Xứ ủy viên kiêm Bí thư Thành ủy Sài Gòn – người kết nạp tôi vào Đảng mấy năm sau. Đồng chí Tư Khoa bị bắt đầu năm 1942, hy sinh ngoài đảo. Đồng chí Năm Sách biệt tăm luôn. Nhờ vai trò “tiểu đồng”, tôi gặp anh Huỳnh Văn Lũy, bị quản thúc ở chợ Tân Uyên và thỉnh thoảng gặp anh Ký (Nguyễn Văn Ký, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa). Còn anh Nghĩa (Xước) vốn bà con xa với tôi, sau khi bị giam ở Bà Rá một lúc, về sống tại làng Bình Ý. Nhóm

anh Thuận (Ba Thu) cũng gặp khó khăn. Còn anh Khoai (sau này lấy tên là Hồng Hải) hóa trang nghề đánh xe ngựa và hoạt động theo hướng dẫn của anh Lũy. Giữa năm 1942, tôi xuống Sài Gòn và từ đó, địa bàn chính của tôi là thành phố. Thỉnh thoảng tôi về Biên Hòa thăm nhà nhưng không còn làm công việc do các anh ở đấy giao. Trong ba bạn thân trường Bến Cá, Quảng và tôi còn sống đến nay, Huệ hy sinh ngay trong những ngày đầu kháng chiến. Em của Huệ, Thanh Tuyền, vợ đồng chí Nguyễn Văn Lung, cũng hy sinh trong đánh Pháp. Tôi nhớ, vào đầu năm 1945, Huệ gặp tôi trên một gác trọ ở Khánh Hội, bấy giờ Huệ đang học ban Tú tài trường Pétrus Ký. Nó bảo tôi: Mày giúp tao hoạt động... Tôi hứa nhưng chưa làm được thì Huệ đã tham gia một nhóm khác”.

Cũng trong tập ký ức, Trần Bạch Đằng còn tiết lộ một sự việc mang tính lịch sử mà chỉ người trong cuộc như ông mới biết: “Chắc là tôi sẽ trở lại Biên Hòa và sẽ dự vào cuộc giành chính quyền ở đây nếu kế hoạch trù tính của Xứ ủy thành sự thật: Cuối năm 1944, Trung ương phái vào Nam một số cán bộ được học tập ở trường Quân chính khu giải phóng Việt Bắc. Hai anh Vũ Huy Xứng và Phan Trọng Bình – trong số đó liên hệ với Thành ủy Sài Gòn và Thành ủy cử tôi móc nối với hai anh. Chúng tôi dự định xây dựng chiến khu và tôi chọn vùng Rạch Đông, Đại An (nay là địa bàn xã Đại An, huyện Vĩnh Cửu) mà tôi quen thuộc. Nhưng tình hình biến chuyển quá nhanh, Xứ ủy chỉ đạo tận dụng các khả năng khác để giành thời cơ... Nên, sau sự kiện 9 tháng 3, tôi được chỉ thị quay về Sài Gòn”.

SỐNG Ở... MÃ ĐÀ SƠN CƯỚC

Rời Biên Hòa sau khởi nghĩa Nam kỳ, mãi năm 1949, trên đường hành quân, chiến sĩ Cộng sản Trần Bạch Đằng trở lại

vùng đất ven sông Đồng Nai đôi ngày, gặp bạn cũ là Nguyễn Văn Quảng (Nam Phòng) và Huỳnh Văn Nghệ - Chi đội trưởng Chi đội 10 nổi tiếng khắp miền Đông. Chỉ một thoáng thời gian, ông cũng đã nhận ra vùng đất này đã khác rất nhiều so với thuở nhỏ ông từng sống. Và rồi 12 năm sau, với tư cách Phó ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam, ông Trần Bạch Đằng lại có dịp trùng phùng với vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, lần này lâu hơn và đông đầy kỷ niệm.

Bài Nhớ những ngày ở Chiến khu Mã Đà trong quyển sách *Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (1961-1962)* (Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai, 2004), Trần Bạch Đằng kể rõ: “Sau Đồng khởi, cơ quan lãnh đạo của Xứ ủy Nam Bộ đứng chân trên Chiến khu Dương Minh Châu, đầu nguồn sông Vàm Cỏ Đông. Cơ ngơi của tổ chức vừa được gầy dựng thì một sự cố xảy ra. Chính quyền Ngô Đình Diệm cho ủi một con lộ cập biên giới Campuchia từ Sóc Con Trăn, thượng nguồn sông Sài Gòn chạy qua Samat, Taxia, “bọc hậu” cơ quan lãnh đạo của Xứ ủy. Giữa ruột Chiến khu Dương Minh Châu, địch cũng ủi một con đường từ Đồng Pan đến cầu Cần Đăng, xuyên trung tâm chiến khu. Trong tình thế ta mới hình thành bộ máy, lực lượng còn rất mỏng, khó mà đứng được giữa hai gọng kìm, hai con lộ ủi, thường được gọi là “lộ ủi Trần Lệ Xuân” . Các nhóm di cư từ Bắc vào được Trần Lệ Xuân cho phép khai thác gỗ vùng này nên có tên như thế. Thường vụ Xứ ủy quyết định toàn bộ cơ quan Xứ ủy và trực thuộc chuyển căn cứ sang Chiến khu Đ, chính xác là sang vùng Mã Đà (nay thuộc xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Đó là giữa mùa mưa năm 1961. Chúng tôi chưa ai hình dung sẽ xây dựng căn cứ ở Mã Đà như thế nào, chỉ biết rằng đây là vùng khan hiếm lương thực, lắm muỗi Anophèle, rất xa nơi dân cư. Hàng trăm con người băng

rừng, vượt sông Sài Gòn, lộ 13, vượt nhiều lần thượng nguồn sông Đồng Nai, sông Bé, theo hướng dẫn của Ban Căn cứ Xứ ủy, bấy giờ người phụ trách chung căn cứ là đồng chí Cao Đăng Chiếm. Chúng tôi chọn nơi đóng cơ quan trên bản đồ. Lúc ấy, địch lại thành lập tỉnh Phước Thành, với Phước Vĩnh là tỉnh lỵ, gấp rút xây dựng một sân bay. Xứ ủy và các cơ quan chủ yếu của Xứ ủy đóng gần nhau trên những ngọn đồi, đường đồi trơn trượt. Đồng chí Phạm Văn Xô được Xứ ủy phân công lo hậu cần cho các cơ quan. Một công việc hết sức khó khăn. Song dù sao, nhất thiết phải có nơi ở, nơi làm việc. Tôi phụ trách cơ quan Tuyên huấn, là cơ quan lớn nhất và đông nhất trong các cơ quan của Xứ ủy. Cái khó đầu tiên là lợp các chòi bằng chất liệu nào. Mã Đà không có lá tranh, rất ít lá trung quân, đành phải dùng lá mây, thân lá nhỏ. Bởi vậy, chòi không trú được mưa, đêm nằm ngó thấy cả sao trên trời. Có thể đây là lần đầu tiên sau nhiều năm Mã Đà đông người đến như vậy. Không biết dùng hình tượng gì để phản ánh chỗ chính xác, song cái mà cán bộ nhân viên sợ nhất là vắt – vắt đánh hơi người lao rào rào trên lá khô. Chúng tôi thực sự đổ máu vì vắt. Kể đến, đây là ổ của sốt rét ác tính, chưa dựng xong chòi thì nhiều người đã run cầm cập, sốt ở độ cao. Rừng Mã Đà nhiều cây to, những cây “cổ thụ” lại mọc trên nền đất đầy đá ong, gốc không vững, những trận mưa đêm lớn có dông thường xô cây đổ, khá nguy hiểm. Dự trữ lương thực rất mỏng, nên chỉ mấy hôm sau sang đây, Ban Căn cứ đã tổ chức những đoàn đi tải gạo, vượt lộ 16 phía bắc huyện lỵ Tân Uyên, đến vùng xã Tân Long, nơi đặt trạm phân phối lương thực của hậu cần Xứ ủy. Đường từ cơ quan đến Tân Long không xa, nhưng mưa trơn trượt, đèo dốc, bận đi mất 1 đêm ngủ rừng và bận về, do tải nặng, mất đến 2 đêm. Tải đủ thứ: gạo, muối, nước mắm, thuốc men, đường, sữa